



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HÙNG CƯỜNG

Trụ sở: 757 Nguyễn Duy Trinh, P. Long Trường, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 0937 39 38 38

Website: inoxhungcuong.com - Email: info@inoxhungcuong.com

DANH SÁCH THIẾT BỊ BẾP KHÁCH SẠN 5*

TẦNG Floor	KHU Area	MÃ SỐ No.	TÊN THIẾT BỊ Product	NHÃN HIỆU/ XUẤT XỨ Brand	MODEL	THÔNG SỐ KỸ THUẬT Specifications	THÔNG SỐ KỸ THUẬT Specifications	KÍCH THƯỚC (mm) Dimension (mm)			DVT	SL Qty
								Dài/ W	Rộng/ D	Cao/ H		
Tầng 1	Nhận hàng	RV-01	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	6740	250	H	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-02	ĐÈN DIỆT CÔN TRÙNG Insect Killer Lamp	Đại Sinh Việt Nam	DS-D152G	- Vỏ ngoài: Sơn tĩnh điện - Điện áp: 220V - 50Hz. Bóng đèn: 15Wx2 - Phạm vi: 75 m ²	- Casing: Powder-coated - Power: 220V - 50Hz, 2x15W lamps - Area: 75 m ²	467	92	280	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-03	CÂN SÀN 300kg 300kg Floor Scale	Digi -Tech	DS-166SS	- Chất liệu: Đai cân inox, nắp bàn cân inox, khung bằng thép sơn tĩnh điện	- Material: SUS head & cover, powder-coated steel frame	400	500	600	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-04	XE ĐÁY HÀNG Transport Trolley	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.5 mm, Inox PosCo - Tay đẩy D32x1.2mm - Bánh xe D125mm, 2 bánh có khóa	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.5mm thick, Posco SUS - Handle: Ø32x1.2mm - Casters: Ø125mm, 2 with brake	900	600	900	Pcs	2
Tầng 1	Nhận hàng	RV-05	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-06	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1550	300	150	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-07	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6l/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-08	VỎI XIT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	5HR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10.7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9.5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2.27 GPM (8.59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-09	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dây 1.2mm Inox PosCo - Bất Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1500	350	170	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-10	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-11	CÂN ĐIỆN TỬ ĐỂ BÀN Digital Tabletop Scale	CAS	SW-1WR	- Kích thước bàn cân: 247x195mm - Trọng lượng của cân: 3,7kg - Màn hình LCD backlight 5 số: 25mm - Vỏ: Nhựa ABS cao cấp - Độ phân giải: 1/10000	- Weighing platform size: 247x195 mm - Scale weight: 3.7 kg - 5-digit LCD backlight display: 25 mm - Housing: High-quality ABS plastic - Resolution: 1/10000	278	317	141	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-12	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-13	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5,23 GPM (19,80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-14	BÀN 2 CHẬU 2-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kèm 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1800	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-15	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-16	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dây 1.2mm Inox PosCo - Bất Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	2150	350	170	Pcs	1
Tầng 1	Nhận hàng	RV-17	ĐÈN DIỆT CÔN TRÙNG Insect Killer Lamp	Đại Sinh Việt Nam	DS-D152G	- Vỏ ngoài: Sơn tĩnh điện - Điện áp: 220V - 50Hz. Bóng đèn: 15Wx2 - Phạm vi: 75 m ²	- Casing: Powder-coated - Power: 220V - 50Hz, 2x15W lamps - Area: 75 m ²	467	92	280	Pcs	1
Tầng 1	Kho hóa chất	CS-01	PALLET	JIWIN	PSH4821	- Khối lượng: 10.79kg - Màu sắc: Spot Dust - Chất liệu: PP, ống sắt	- Weight: 10.79 kg - Color: Spot Dust - Material: PP plastic, steel tube	1220	530	225	Pcs	1
Tầng 1	Kho hóa chất	CS-02	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Kho chung	GS-01	PALLET	JIWIN	PSH4821	- Khối lượng: 10.79kg - Màu sắc: Spot Dust - Chất liệu: PP, ống sắt	- Weight: 10.79 kg - Color: Spot Dust - Material: PP plastic, steel tube	1220	530	225	Pcs	1
Tầng 1	Kho chung	GS-02	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	1

Tầng 1	Kho chung	GS-03	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1100	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Kho chung	GS-04	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1400	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-01	BÀN PHÂN LOẠI RÁC GARBAGE TABLE	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thanh giằng: D25x1.2mm - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Tabletop: 1.5mm thick Posco SUS - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	750	850/ 1150	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-02	VỎI PHUN TRẮNG Pre-raise faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-H	- Đầu vòi: 12 inch (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.29 GPM (16.24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1.15 GPM / 4.35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1.15 GPM (4.35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-03	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW- CRC2P + JW- RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm		Ø492	748	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-04	MÁNG VÍ THOÁT SÁN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1540	1025	134	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-05	MÁY RỬA THÙNG RÁC TRASH WASHING MACHINE	By operator	AERVOID						Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-06	VỎI XỊT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	5HR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10.7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9.5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2.27 GPM (8.59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-07	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-08	PALLET	JIWIN	PSH4821	- Khối lượng: 10.79kg - Màu sắc: Spot Dust - Chất liệu: PP, ống sắt	- Weight: 10.79 kg - Color: Spot Dust - Material: PP plastic, steel tube	1220	530	225	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-08.1	THÙNG RÁC TRASH BIN	By operator							Pcs	3
Tầng 1	Kho rác	GBA-09	KỆ THANH ĐÉ THÙNG RÁC 2 TẦNG 2-TIER TRASH BIN SHELF	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Khung kệ vuông 30x30x1.2mm - Song kệ 10x20x1.0 khoảng cách 30mm - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Square frame: 30x30x1.2mm - Shelf bars: 10x20x1.0mm, spaced 30mm apart - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1700	600	1200	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-10	KỆ THANH ĐÉ THÙNG RÁC 2 TẦNG 2-TIER TRASH BIN SHELF	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Khung kệ vuông 30x30x1.2mm - Song kệ 10x20x1.0 khoảng cách 30mm - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Square frame: 30x30x1.2mm - Shelf bars: 10x20x1.0mm, spaced 30mm apart - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1300	600	1200	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-11	MÁNG VÍ THOÁT SÁN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	1200	300/ 120	150	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-12	KHO LẠNH RÁC Garbage Cold Storage	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH53-2GES-2Y GACC RX 031.1/2WN/FHA7 A.TNNN			2280/ 1530	2300	2700	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-13	MÁY KHỬ TRÙNG KHÔNG KHÍ Air Sterilizer	MEDKLINN	PRO AS2	- Chất liệu: ABS Chống cháy - Kết nối nguồn: <5.5 W - Nhiệt độ hoạt động: 10°C-35°C - Cân nặng: 400grams	- Material: Fire-retardant ABS - Power input: <5.5 W - Operating temperature: 10°C – 35°C - Weight: 400 grams	75	55	145	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-14	THÙNG RÁC TRASH BIN	By operator							Pcs	9
Tầng 1	Kho rác	GBA-15	PALLET NHỰA Plastic Pallet	Local		- Nguyên liệu : HDPE	- Material: HDPE (High-Density Polyethylene)	1200	1000	150	Pcs	2
Tầng 1	Kho rác	GBA-16	THÙNG RÁC TRASH BIN	By operator							Pcs	9
Tầng 1	Kho rác	GBA-17	MÁY KHỬ TRÙNG KHÔNG KHÍ Air Sterilizer	MEDKLINN	PRO AS2	- Chất liệu: ABS Chống cháy - Kết nối nguồn: <5.5 W - Nhiệt độ hoạt động: 10°C-35°C - Cân nặng: 400grams	- Material: Fire-retardant ABS - Power input: <5.5 W - Operating temperature: 10°C – 35°C - Weight: 400 grams	75	55	145	Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-18	MÁY CẮT GIÓ WIND CUTTER	By other							Pcs	1
Tầng 1	Kho rác	GBA-19	ĐÈN DIỆT CÒN TRÙNG Insect Killer Lamp	Đại Sinh Việt Nam	DS-D152G	- Vỏ ngoài: Sơn tĩnh điện - Điện áp: 220V - 50Hz. Bóng đèn: 15Wx2 - Phạm vi: 75 m²	- Casing: Powder-coated - Power: 220V – 50Hz, 2x15W lamps - Area: 75 m²	467	92	280	Pcs	2
Tầng 1	Khu máy làm đá	ICE-01	THÙNG ĐÁ DI ĐỘNG Sliding Ice caddy	JIWIN	JW-SLI	- Sức chứa: 110L - Trọng lượng: 57kg	- Capacity: 110 liters - Weight: 57 kg	585	800	745	Pcs	1
Tầng 1	Khu máy làm đá	ICE-02	MÁY LÀM ĐÁ VIÊN ICE MAKER	Scotman	NW-608	- Làm lạnh bằng không khí - Công suất (32°C/21°C): 230 kg/ ngày - Năng lượng tiêu thụ : 36.5kWh/24h - Lượng nước sử dụng : 15.8L/hr - Điện áp : 230/50/1+E - Trọng lượng: 78 kg	- Air-cooled - Capacity (32°C/21°C): 230 kg/day - Energy consumption: 36.5 kWh/24h - Water consumption: 15.8 L/hr - Voltage: 230V / 50Hz / 1 phase + E - Weight: 78 kg	760	620	575	Pcs	1
Tầng 1	Khu máy làm đá	ICE-03	THÙNG DỰNG ĐÁ CHO MÁY LÀM ĐÁ ICE BIN FOR ICE MAKER	Scotman	NB-530	- Dung tích thùng đá : 243 kg - Trọng lượng: 55.6 kg	- Ice bin capacity: 243 kg - Weight: 55.6 kg	768	873	1268	Pcs	1
Tầng 1	Khu máy làm đá	ICE-04	BỘ LỌC NƯỚC CHO MÁY ĐÁ VIÊN Water Filter for Ice Maker	Everpure	QL1+A10+EC110 +4CB5+UV	- Tốc độ dòng chảy: 6.35l/phút. - Công suất: 22.800 Lit - 1 lõi lọc - Đèn diệt khuẩn	- Flow rate: 6.35 L/min - Capacity: 22,800 liters - 1 filter cartridge - UV sterilization lamp				Pcs	1

Tầng 1	Khu máy làm đá	ICE-05	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	525	300	150	Pcs	1
Tầng 1	Khu máy làm đá	ICE-06	MÁY LÀM ĐÁ VÁY 330 KG/NGÀY Flake Ice Machine – 330 kg/day	Scotman	MF-46	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure				Pcs	1
Tầng 1	Khu máy làm đá	ICE-07	THÙNG ĐÁ CHO MÁY ĐÁ VÁY Flake Ice Bin	Scotman	NB 393	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 600x500x300mm. Kém 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 600x500x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	768	843	1039	Pcs	1
Tầng 1	Khu máy làm đá	ICE-08	BỘ LỌC NƯỚC CHO MÁY ĐÁ VÁY Water Filter for Ice Maker	Everpure	QL1+A10+EC110 +4CB5+UV	- Tốc độ dòng chảy: 6.35l/phút. - Công suất: 22.800 Lit - 1 lõi lọc - Đèn diệt khuẩn	- Flow rate: 6.35 L/min - Capacity: 22,800 liters - 1 filter cartridge - UV sterilization lamp				Pcs	1
Tầng 1	Khu làm vệ sinh	JT-01	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	525	300	150	Pcs	1
Tầng 1	Khu làm vệ sinh	JT-03	CHẬU MOPSINK Mopsink	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 600x500x300mm. Kém 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 600x500x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	700	650	500/ 1100	Pcs	1
Tầng 1	Khu làm vệ sinh	JT-04	MÓC TREO DỤNG CỤ Tool Hanging Hook	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm	- Material: SUS 304, Thickness: 1.2mm	1200	350	170	Pcs	1
Tầng 1	Kho đồ uống	BES-01	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Kho đồ uống	BES-02	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1100	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Kho đồ uống	BES-03	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1200	300/ 120	150	Pcs	1
Tầng 1	Kho đồ uống	BES-04	KHO LẠNH ĐỒ UỐNG Beverage Cold Storage	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH53-2GES-2Y GACC RX 031.1/2WN/FHA7 E.TNNN			2900	2200	2700	Pcs	1
Tầng 1	Kho đồ uống	BES-05	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1400	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Kho đồ uống	BES-06	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1300	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Kho khô	DS-01	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	5
Tầng 1	Kho khô	DS-02	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	500	1500	Pcs	4
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-01	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-02	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	600	750	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-03	MÓC TREO DỤNG CỤ Tool Hanging Hook	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm	- Material: SUS 304, Thickness: 1.2mm	1200	350	170	Pcs	1
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-04	BÀN CHẬU RỬA DỤNG CỤ Utensil Washing Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - 03 hộc chậu: 600x550x300mm. Kém 03 bộ xả - 01 hộc chậu nhỏ: 200x550x300mm - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowls: 1.5mm thick Posco SUS - 03 sink compartments: 600x550x300mm, includes 03 drain sets - 01 small sink compartment: 200x550x300mm - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	2300	750	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-05	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5,23 GPM (19,80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-06	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giỏ rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	600	400	300	Pcs	1
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-07	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giỏ rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	600	400	300	Pcs	2
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-08	VỎI PHUN TRẮNG Pre-rinse faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-H	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4,29 GPM (16,24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1,15 GPM / 4,35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1,15 GPM (4,35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-09	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm	1950	300	150	Pcs	1

Tầng 1	Khu rửa dụng cụ	PW-10	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-01	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm	1000	300	150	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-02	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bật Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1500	350	170	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-03	BÀN 1 CHẬU LỚN 1-Bowl big Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 800x500x300mm. Kém 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 800x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-04	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19.80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-05	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	Jiwin	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584 mm - Lid dimensions: Ø546x40 mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164 mm	Ø492		748	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-06	BÀN CÓ THANH TRƯỢT KHAY GN 1/1 Table with Sliding Rails for GN 1/1 Trays	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Thanh ray trượt cho khay GN 1/1 - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao - Không bao gồm khay GN 1/1	- Made of SUS 304 - Tabletop: 1.5mm thick - Sliding rails for GN 1/1 trays - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set - GN 1/1 trays not included	900	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-07	MÁY CẮT RAU CŨ Cutter and Vegetable slicer	ROBOTCOUP E	R301-ULTRA	- Động cơ cảm ứng - Tốc độ: 1500 vòng / phút - Ổng cấp liệu: Phiếu bán nguyệt, Phiếu trụ Ø 58 mm - Cối Inox 3,7L - Lưỡi dao tron bằng thép không gỉ - Công suất: 650 W - Điện áp: 230V/ 50Hz/ 1P - Trọng lượng: 19kg	- Induction motor - Speed: 1500 RPM - Feed tube: Semi-circular hopper and cylindrical hopper Ø58 mm - Bowl: 3.7L stainless steel - Blade: Smooth-edge stainless steel blade - Power: 650 W - Voltage: 230V / 50Hz / 1 phase - Weight: 19 kg	355	305	570	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-08	MÁY VẮT RAU Dryer-flat panel	Electrolux	ELX-65	- Điện áp nguồn: 200-240 V / 3 pha / 60 Hz - Công suất điện tối đa: 0.75 kW - Tổng công suất: 0.75 kW - Dung tích bồn chứa: 65 lit	- Supply voltage: 200-240 V/3 ph/60 Hz - Electrical power, max: 0.75 kW - Total Watts: 0.75 kW - Well Capacity: 65 lt	578	639	1005	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-09	BÀN CÓ 01 NGĂN KÉO Table with 1 Drawer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - 01 ngăn kéo dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Tabletop: 1.5mm thick - 01 drawer 1.2mm thick - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1000	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-10	MÁY HÚT CHÂN KHÔNG Professional Vacuum Packing Machine	Sammic	SE-308	- Công suất bơm: 6 m ³ /giờ - Chiều dài hữu dụng của thanh hàn: 314 mm - Công suất tiêu thụ: 370 W - Áp suất chân không (tối đa): 2 mbar - Trọng lượng tịnh: 34 kg	- Pump Capacity: 6 m ³ /h - Useful Length Of The Sealing Bar: 314 mm - Loading: 370 W - Vacuum Pressure (maximum): 2 mbar - Net Weight: 34 Kg	380	460	410	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-11	TỦ KHỬ TRÙNG ĐAO Knife sterilizer w/ magnetic bar	Leeo HongKong	KC-500E	- Điện áp: 220V SPN, 50Hz - Công suất: 15W - Có khóa - Sức chứa: 10 dao - Tích hợp đèn UV khử trùng - Đèn UV tự động tắt khi cửa mở - Bộ hẹn giờ: 120 phút	- Voltage: 220V, 50hz - Power: 15w - W/ Lock; - Capacity: 10 Pes. Knives; - Built-In Uv Light For Sterilization; - Automatic Uv Light Shut Off When The Door Is Opened; - Timer Control: 120 Mins	540	135	645	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-12	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	Jiwin	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584 mm - Lid dimensions: Ø546x40 mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164 mm	Ø492		748	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-13	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bật Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1500	350	170	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-14	BÀN 2 CHẬU 2-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 600x500x300mm. Kém 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 600x500x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-15	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19.80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-16	VỎI XIT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	5HR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10.7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9.5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2.27 GPM (8.59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-17	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-18	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-19	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	600	850	Pcs	1

Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-20	XE BỒN Tank trolley	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu dày 1.5mm - KT chậu: 500x500x300mm, có van xả đáy - Chân Ø38x1.2mm, giằng chân Ø25x1.2mm - Bánh xe Ø100mm, có 02 bánh xoay khóa	- Made of SUS 304 stainless steel - Sink bowl thickness: 1.5mm - Sink size: 500x500x300mm, with bottom drain valve - Legs: Ø38x1.2mm - Cross brace: Ø25x1.2mm - Casters: Ø100mm, 2 swivel wheels with brakes	650	650	700	Pcs	2	
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-21	THỐT NHỰA MÀU XANH Green Plastic Cutting Board	By operator								Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-22	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1200	300/120	150	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-23	KHO MÁT RAU , CỤ Vegetable Cold Room	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH64-2FES-3Y GACC RX 031.1/3WN/FHA7 E.TNNN			3050	3500	2700	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-24	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	3	
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-25	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1400	500	1500	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-26	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1000	500	1500	Pcs	2	
Tầng 1	Khu sơ chế rau, củ	VP-27	XE ĐÁY KHAY GN 2/1 Trolley for GN 2/1 Trays	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Khung vuông 25mm - Ray đỡ khay inox 304, dày 1.5mm - Bánh xe Ø125mm, 02 bánh có khóa Không bao gồm khay	- Made of SUS 304 - Frame: 25mm square tubing - Tray support rails: 1.5mm thick SUS 304 - Casters: Ø125mm, 2 with brakes Trays not included	595	680	1750	Pcs	2	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-01	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-02	TỦ KHỬ TRÙNG ĐAO Knife sterilizer w/ magnetic bar	Leego HongKong	KC-500E	- Chiều dài dây: 35 ft (10.7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9.5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2.27 GPM (8.59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)	540	135	645	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-03	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giỏ rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	500	400	300	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-04	BÀN 2 CHẬU 2-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giỏ rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	1300	700	850/1000	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-04.1	VÒI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19.80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-05	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bật Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1200	350	170	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-06	BÀN KHÔNG KỆ Table without shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1300	700	850/1000	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-07	CÂN ĐIỆN TỬ ĐỂ BÀN Digital Tabletop Scale	CAS	SW-1WR	- Kích thước bàn cân: 247x195mm - Trọng lượng của cân: 3,7kg - Màn hình LCD backlight 5 số: 25mm - Vỏ: Nhựa ABS cao cấp - Độ phân giải: 1/10000	- Weighing platform size: 247x195 mm - Scale weight: 3.7 kg - 5-digit LCD backlight display: 25 mm - Housing: High-quality ABS plastic - Resolution: 1/10000	278	317	141	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-08	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đáy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-08.1	MÁY HÚT CHÂN KHÔNG Professional Vacuum Packing Machine	Sammic	SV-306T	- Công suất bơm: 6 m ³ /giờ - Chiều dài bình dụng của thanh hàn: 314 mm - Công suất tiêu thụ: 370 W - Áp suất chân không (tối đa): 2 mbar - Trọng lượng tịnh: 34 kg	- Pump Capacity: 6 m ³ /h - Useful Length Of The Sealing Bar: 314 mm - Loading: 370 W - Vacuum Pressure (maximum): 2 mbar - Net Weight: 34 Kg	380	460	410	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-09	MÁY CƯA XƯƠNG Bone saws	Sirman	SO-2020 INOX	- Nguồn điện: 400V-3P - Trọng lượng: 61Kg - Chiều dài lưỡi dao: 2020mm - Bề mặt sử dụng: 475x490mm - Ø rỗng rọc: 250mm	- Blade length: 2020mm - Voltage: 400V - 3P - Ø Pulley: 250mm - Working surface: 475x490mm - Gross weight: Kg 73	710	560	1030	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-10	MÁY KHỬ MÙI KHÔNG KHÍ Air Sterilizer	MEDKLINN	PRO AS2	- Chất liệu: ABS Chống cháy - Kết nối nguồn: <5.5 W - Nhiệt độ hoạt động: 10°C-35°C - Cân nặng: 400grams	- Material: Fire-retardant ABS - Power input: <5.5 W - Operating temperature: 10°C – 35°C - Weight: 400 grams	75	55	145	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-10.1	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	1	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-11	XE BỒN Tank trolley	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu dày 1.5mm. - KT chậu: 500x500x300mm, có van xả đáy - Chân Ø38x1.2mm, giằng chân Ø25x1.2mm - Bánh xe Ø100mm, có 02 bánh xoay khóa	- Made of SUS 304 stainless steel - Sink bowl thickness: 1.5mm - Sink size: 500x500x300mm, with bottom drain valve - Legs: Ø38x1.2mm - Cross brace: Ø25x1.2mm - Casters: Ø100mm, 2 swivel wheels with brakes	650	650	700	Pcs	2	
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-12	THỐT NHỰA MÀU ĐỎ Red Plastic Cutting Board	By operator								Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-13	THỐT NHỰA MÀU VÀNG Yellow Plastic Cutting Board	By operator								Pcs	1

Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-14	BÀN KHÔNG KÊ Table without shelf	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	700	850	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-15	MÁNG VÍ THOÁT SÁN Floor grated trench	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1200	300/120	150	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-16	KHO MÁT THỊT, GIA CẦM Meat & Poultry Chiller Room	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH64-2EES-3Y GACC RX 031.1/2WN/HHA 7E.TNNN			3380	2250	2700	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-17	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-18	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1000	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-19	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1300	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-20	XE ĐÁY KHAY GN 2/1 Trolley for GN 2/1 Trays	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Khung vuông 25mm - Ray đỡ khay inox 304, dày 1.5mm - Bánh xe Ø125mm, 02 bánh có khóa Không bao gồm khay	- Made of SUS 304 - Frame: 25mm square tubing - Tray support rails: 1.5mm thick SUS 304 - Casters: Ø125mm, 2 with brakes Trays not included	595	680	1750	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-21	KHO ĐÔNG THỊT ; GIA CẦM Meat & Poultry Freezer Room	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH104-4EES-4Y GACC RX 040.1/2WN/FJA7 E.TNNN			2500	3500	2700	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-22	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-23	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-24	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1100	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-25	XE ĐÁY KHAY GN 2/1 Trolley for GN 2/1 Trays	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Khung vuông 25mm - Ray đỡ khay inox 304, dày 1.5mm - Bánh xe Ø125mm, 02 bánh có khóa Không bao gồm khay	- Made of SUS 304 - Frame: 25mm square tubing - Tray support rails: 1.5mm thick SUS 304 - Casters: Ø125mm, 2 with brakes Trays not included	595	680	1750	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế thịt, gia cầm	MP-26	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-01	BÀN 2 CHẬU LÀM CẢ 2-Bowl Fish Cleaning Table	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - 01 học chậu: 500x500x300mm. Kèm 01 bộ xả - 01 học chậu: 900x200x250mm. Kèm 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - 01 Sink size: 500x500x300mm, includes 1 drain sets - 01 Sink size: 900x200x250mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	2600	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-02	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Lamin bảng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, gió rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	800	400	300	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-03	VỎI PHUN TRẮNG Pre-raise faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-II	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4,29 GPM (16,24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1,15 GPM / 4,35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1,15 GPM (4,35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-04	TỦ KHỬ TRÙNG ĐAO Knife sterilizer w/ magnetic bar	Leege HongKong	KC-500E	- Điện áp: 220V SPN, 50Hz - Công suất: 15W - Có khóa - Sức chứa: 10 dao - Tích hợp đèn UV khử trùng - Đèn UV tự động tắt khi cửa mở - Bộ hẹn giờ: 120 phút	- Voltage: 220V, 50hz - Power: 15w - W/ Lock; - Capacity: 10 Pcs. Knives; - Built-In Uv Light For Sterilization; - Automatic Uv Light Shut Off When The Door Is Opened; - Timer Control: 120 Mins	540	135	645	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-05	VỎI PHUN TRẮNG Pre-raise faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-II	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4,29 GPM (16,24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1,15 GPM / 4,35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1,15 GPM (4,35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-06	THỐT NHỰA Plastic Cutting Board	Local		- Chất liệu: Nhựa	- Material: Plastic	900	300	50	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-06.1	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đẩy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm		Ø492	748	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-07	VỎI XỊT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	5HR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10,7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9,5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2,27 GPM (8,59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-08	TỦ LẠNH CÁ Zircon Fish	Williams	FZ-18T	- Nhiệt độ hoạt động: -2 / +2°C - Dung tích: 324 L - Nguồn điện: 220V / 50Hz / 1 pha - Công suất: 550W - Gas: R134a	- Operating temperature: -2 / +2°C - Capacity: 324 L - Power source: 220V / 50Hz / 1 phase - Capacity: 550W - Gas: R134a	571	698	1906	Pcs	1

Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-09	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1950	300	150	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-10	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1200	300/ 120	150	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-11	KHO MÁT HẢI SẢN Seafood Cold Room	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH64-2EES-3Y GACC RX 031.1/3WN/FHA7 E.TNNN			2500	3500	2700	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-12	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-13	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-14	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1100	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-15	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-16	XE ĐÀY KHAY GN 2/1 Trolley for GN 2/1 Trays	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Khung vuông 25mm - Ray đỡ khay inox 304, dày 1.5mm - Bánh xe Ø125mm, 02 bánh có khóa Không bao gồm khay	- Made of SUS 304 - Frame: 25mm square tubing - Tray support rails: 1.5mm thick SUS 304 - Casters: Ø125mm, 2 with brakes Trays not included	595	680	1750	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-17	KHO ĐÔNG CÁ, HẢI SẢN Fish, Seafood Freezer Room	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH104-4EES-4Y GACC RX 040.1/2WN/FJA7 E.TNNN			3150	3500	2700	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-18	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-19	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1200	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-20	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1100	500	1500	Pcs	3
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-21	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 1	Khu sơ chế hải sản	FP-22	XE ĐÀY KHAY GN 2/1 Trolley for GN 2/1 Trays	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Khung vuông 25mm - Ray đỡ khay inox 304, dày 1.5mm - Bánh xe Ø125mm, 02 bánh có khóa Không bao gồm khay	- Made of SUS 304 - Frame: 25mm square tubing - Tray support rails: 1.5mm thick SUS 304 - Casters: Ø125mm, 2 with brakes Trays not included	595	680	1750	Pcs	2
Tầng 1	Lobby bar	BA-01	QUẦY 1 CỬA MỞ VÀ 2 NGĂN KÉO Work Counter – 1 Open Door and 2 Drawers	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, body: 1.2mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1000	700	750	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-02	QUẦY 1 CỬA MỞ VÀ 2 NGĂN KÉO Work Counter – 1 Open Door and 2 Drawers	By operator							Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-03	QUẦY PHA CHẾ Module Station	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Mặt kệ, thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - Bao gồm 01 bộ xả Inox - KT học chậu: 300x350x250mm - Thùng đá có 2 lớp Inox cách nhiệt - Bông Foam chống tan chảy đá - Có van xả dây Ø34mm, có khóa - Nắp lùa 2 cửa - 04 khay GN 1/9, KT: 176x108x100mm - Rail dựng topping - 01 thùng rác học kéo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Material: Made of SUS 304 stainless steel - Countertop thickness: 1.5mm - Shelf, body panels & doors thickness: 1.2mm - Includes 1 stainless steel drain set - Sink bowl size: 300x350x250mm - Ice bin: Double-layer insulated SUS 304 with foam core to prevent ice from melting - Drain valve: Ø34mm with lock - Sliding lid: 2-door sliding cover - Includes 4 GN 1/9 pans (Size: 176x108x100mm) - Topping rail included - Waste bin with pull-out drawer - Legs: Ø38x1.2mm with adjustable feet	1400	700	800	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-04	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-2SLX08	- Đầu vòi: 8 inch (203.2 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.65 GPM (17.60 lít/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140 °F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40 °F (4.44°C)	- Nozzle: 8 in (203.2 mm) - Nozzle Flow: 4.65 GPM (17.60 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140°F (60°C) - Temperature Min: 40°F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-05	VỎI TRẮNG LY Glass rinser	JIWIN	JW-GR16R	- Đầu vòi: 8 inch (203.2 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.65 GPM (17.60 lít/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140 °F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40 °F (4.44°C)	- Nozzle: 8 in (203.2 mm) - Nozzle Flow: 4.65 GPM (17.60 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140°F (60°C) - Temperature Min: 40°F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-06	QUẦY CỎ THANH TRƯỢT RACK Counter with Rack Sliding Rails	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Thân xung quanh dày 1.2mm - Thanh ray trượt cho khay GN 1/1 - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao - Không bao gồm khay GN 1/1	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop: 1.5mm thick - Side panels: 1.2mm thick - Equipped with sliding rails for GN 1/1 trays - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set - GN 1/1 trays not included	600	700	750	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-07	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 01 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	450	700	750	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-08	QUẦY 2 CỬA MỞ Cabinet 2 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 02 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	820	700	750	Pcs	1

Tầng 1	Lobby bar	BA-09	TỦ LẠNH CHAI Counter Bottle Cooler 2 Doors	Williams	BC2SS-U	- Nhiệt độ: 1°C to +4°C - Dung tích: 182 chai/loại 330 ml - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 2A - Công suất: 240/50/1; 2 amps - Loại gas: R134a - Số tầng tủ ướp lạnh chai 2 cánh kiếng : 3 - Kính cầu tạo 2 lớp trong suốt, có đèn chiếu sáng. - Trọng lượng: 90 kg	- Temperature Range: 1°C to +4°C - Capacity: 182 bottles (330 ml type) - Voltage: 220-240V / 1 Phase - Power Consumption: 2 Amps - Rated Power: 240V / 50Hz / 1P; 2 Amps - Refrigerant Type: R134a - Number of Shelves (2-glass door bottle cooler): 3 - Double-layer transparent glass with internal lighting - Net Weight: 90 kg	900	530	800	Pcs	2
Tầng 1	Lobby bar	BA-10	MÁY VẮT CAM Orange Juicer	Santos	Santos 10	- Chiều cao vòi: 135 mm, để pha nước ép trong ly. - Sản lượng trung bình: 30L/h - Tốc độ: 1500 vòng/phút ~ 1800 vòng/phút (50/60 Hz) - Công suất: 230W - Điện áp: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Trọng lượng tịnh: 9,2 kg	- Spout height: 135 mm - Average output: 30 L/h - Speed: 1500 – 1800 RPM (50/60 Hz) - Power: 230 W - Voltage: 220-240 V / 50 Hz / 1 phase - Net weight: 9.2 kg	300	200	380	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-11	MÁY ÉP NƯỚC HOA QUẢ Juice extractor	Santos	Santos 28	- Chiều cao vòi: 222 mm - Sản lượng trung bình: 100L/h - Tốc độ: 3000 vòng/phút ~ 3600 vòng/phút (50/60 Hz) - Công suất: 1300W - Điện áp: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Trọng lượng tịnh: 23.65 kg	- Spout height: 222 mm - Average output: 100 L/h - Speed: 3000 – 3600 RPM (50/60 Hz) - Power: 1300 W - Voltage: 220-240 V / 50 Hz / 1 phase - Net weight: 23.65 kg				Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-12	MÁY XAY SINH TỐ Blender	Santos	Santos 62	- Trọng lượng: 10,5kg - Công suất: 1000W - Động cơ: 3HP - Dung tích cối ly: 1.8 lít (64 OZ) - Điện áp/ tần số: 220-240V/50-60Hz	- Net weight: 10.5 kg - Power: 1000 W - Motor: 3 HP - Jar capacity: 1.8 liters (64 oz) - Voltage / Frequency: 220-240 V / 50-60 Hz				Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-13	MÁY XAY CÀ PHÊ COFFEE GRINDER	By operator							Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-14	MÁY PHA CÀ PHÊ 2 GROUP 2 GROUP COFFEE MAKER	By operator							Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-15	QUẦY 1 CỬA MỞ VÀ 2 NGĂN KÉO Work Counter – 1 Open Door and 2 Drawers	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, body: 1.2mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	820	700	750	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-16	BỘ LỌC NƯỚC CHO MÁY CÀ PHÊ WATER FILTER FOR COFFEE MACHINE	By operator							Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-17	MÀNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	BY M&E							Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-18	KỆ ĐÓT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1000	500	1500	Pcs	2
Tầng 1	Lobby bar	BA-19	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bạt Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1640	350	170	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-20	BÀN 1 CHẬU 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kèm 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1700	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-21	MÁY RỬA LY Undercounter dishwashers	Hobart	Ecomax-504-10B	- Thời gian chu trình*: 60 / 120 / 180 giây - Công suất rửa khay: 60 khay/giờ - Dung tích bồn chứa: 25 lít - Lượng nước tiêu thụ: 2.0 lít/khay - Công suất bơm rửa: 0.34 kW - Tổng công suất kết nối – Chuẩn: 5.9 kW (400 V) - Tổng công suất kết nối – Tùy chọn: 2.2 kW (230 V) - Điện áp định mức: 400V / 50Hz / 3 pha N (hoặc 230V / 50Hz / 1 pha) - Chiều cao khoang rửa: 360 mm - Kích thước khay rửa: 500 x 500 mm	- Cycle times*60 / 120 / 180 sec. - Rack capacity: 60 /h - Tank capacity: 25 l - Water consumption: 2.0 l/rack - Wash pump: 0.34 kW - Tank heating:1.8 kW - Total connected load - Alternative:2.2 kW (230 V) - Rated voltage: 400 / 50 / 3N (230 / 50 / 1) - Loading height: 360 mm - Rack size: 500 x 500 mm	576	604	820	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-22	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS10	- Đầu phun (Nozzle): 10 inch (254,0 mm) - Lưu lượng đầu phun: 5.25 GPM (19,87 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 10 in (254.0 mm) - Nozzle Flow: 5.25 GPM (19.87 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-23	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-24	TỦ MÁT 2 CẢNH KÍNH Half door upright refrigerator	Williams	HG1TSEA	- Điện áp: 220V / 50Hz / 1 pha, 13A, 660W - Dung tích: 595 lít	- Power: 220V/50Hz/1N, 13A, 660W - Capacity: 595 liters	737	815	1975	Pcs	2
Tầng 1	Lobby bar	BA-25	MÀNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	525	300	150	Pcs	1
Tầng 1	Lobby bar	BA-26	TỦ TRUNG BÀY BÁNH Cake Display show case	Williams	CAKE-U-1200-HG	- Nhiệt độ: +5/+8°C - Điện áp: 220V/ 50HZ/ 1PH - Đèn LED trắng ấm - 2 cửa kính trượt 2 lớp	- Temperature: +5/+8°C - Power supply: 220V / 50Hz / 1PH - Warm white LED light - Double-layer sliding glass doors	1200	750	1100	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-01	MÁY NHẢO BỘT 82 lít Fixed Head Spiral Dough Mixer	Zanoli	GLASSIA 60S	- Công suất: 1.8 kW - Tốc độ đồng cơ: 2 cấp tốc độ - Tốc độ quay thô trộn: 16 vòng/phút - Tốc độ trục nhào (spiral tool): 137 vòng/phút - Dung lượng bột sau trộn: 60 kg - Dung tích thô trộn: 82 lít - Kích thước thô: Ø550x340mm	- Watts: 1.8kW - Motor Speeds: 2 speed - Bowl Speed: 16 RPM - Spiral Tool Speed: 137 RPM - Finished Dough Capacity: 60kg - Bowl Capacity: 82L - Bowl Dimensions: Ø550x340mm	570	950	920	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-02	MÁY TRỘN BỘT 40 lít Planetary mixers for sweet pastry making Selene	Zanoli	SELENE- 40	- Kích thước thùng bột: Ø410x390 mm - Dung tích thùng bột: 40L - Tốc độ: 3 - Điện áp: 400V/3P/50Hz - Công suất định: 1500W - Trọng lượng máy: 210 kg	- Dough bowl dimensions: Ø410 × 390 mm - Dough bowl capacity: 40 L - Speed levels: 3 - Voltage: 400 V / 3 phase / 50 Hz - Power consumption: 1500 W - Net weight: 210 kg	690	930	1480	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-03	MÁY LÀM LẠNH NƯỚC+ BỘ ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC Water Cooling and Metering Unit	SALVA	EA-175+CL1	- Điều khiển điện tử, có bộ khuấy - Bồn inox 304 - Cách nhiệt polyurethane sandwich - Giảm 5°C/giờ cho 175L nước - Tiêu thụ điện: 0.45 kW	- Electronic control with shaker - SUS 304 stainless steel tank - Polyurethane sandwich insulation - Cools 175L water by 5°C/hour - Power consumption: 0.45 kW				Pcs	1

Tầng 6	Phòng bán	BK-04	KHUNG TREO MÁY LÀM LẠNH NƯỚC Water Chiller Mounting Bracket	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dây 1.2mm Inox PosCo - Bát Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS							Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-05	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Bề mặt chậu: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-06	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dây 1.2mm Inox PosCo - Bát Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1800	350	170				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-07	MÁY CÁN BỘT Benchtop Conveyor Roller	Zanolli	SIRO 500	- Trọng lượng: 155 kg - Cylinder: 500 mm - Băng tải: 1000 x 2 mm - Công suất định: 750 W - Điện áp: 400V/50Hz/3P	- Net Weight: 155 kg - Roller Width (Cylinder): 500 mm - Conveyor Belts: 1000x2mm (two 1000 mm belts) - Power Consumption: 750 W - Voltage: 400V/50Hz/3 Phase							Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-08	BÀN MẶT ĐÁ CÓ THANH TRƯỢT KHAY Marble Top Table with Tray Slides	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thanh ray trượt cho khay GN 1/1 - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao - Không bao gồm khay GN 1/1	- Made of SUS 304 - Sliding rails for GN 1/1 trays - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set - GN 1/1 trays not included	1800	1200	850				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-09	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dây 1.2mm Inox PosCo - Bát Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1400	500	400/H				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-10	THÙNG BỘT DI ĐỘNG Ingredient Bins	JWIN	JW-SS1	- Dung tích: 81L - Chất liệu: PP	- Capacity: 81 liters - Material: PP	745	328	740				Pcs	2
Tầng 6	Phòng bán	BK-11	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	860	600	850/1000				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-12	MÁY TRỘN BỘT 5 LÍT Mixer	KUCHENZIMMER	Red 002790	- Loại máy: Máy đánh trứng để bàn - Dung tích: 6 lít - Tô trộn: Inox 304 - Công suất: 1.800W - Nguồn điện áp: 220V/50Hz	- Type: Bench-top Egg Beater (Stand Mixer) - Capacity: 6 liters - Mixing Bowl: SUS 304 Stainless Steel - Power Consumption: 1,800W - Power Supply: 220V / 50Hz							Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-13	CÂN ĐIỆN TỬ ĐỂ BÀN Digital Tabletop Scale	CAS	SW-1WR	- Kích thước bàn cân: 247x195mm - Trọng lượng của cân: 3,7kg - Màn hình LCD backlight 5 số: 25mm - Vỏ: Nhựa ABS cao cấp - Độ phân giải: 1/10000	- Weighing platform size: 247x195 mm - Scale weight: 3.7 kg - 5-digit LCD backlight display: 25 mm - Housing: High-quality ABS plastic - Resolution: 1/10000	278	317	141				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-14	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	525	300	150				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-15	KỆ ĐÓT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1400	500	1500				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-16	MỐC TREO DỤNG CỤ Tool Hanging Hook	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dây 1.2mm	- Material: SUS 304, Thickness: 1.2mm	1500	350	170				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-17	VÒI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19,80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)							Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-18	BÀN 1 CHẬU 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 600x500x300mm. Kém 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 600x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	750	850/1000				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-19	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584 mm - Lid dimensions: Ø546x40 mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164 mm	Ø492	748					Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-20	TỦ MÁT 4 CÁCH Counter chiller	Williams	HG2TSEA	- Nhiệt độ: 1°C đến 4°C - Dung tích: 130 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 10A - Loại gas: R134a - Số tầng: 4 - Quạt đối lưu không khí: có - Trọng lượng: 130 kg	- Temperature: 1°C to 4°C - Capacity: 130 liters - Voltage: 220-240V / 1PH - Current: 10A - Refrigerant: R134a - Number of shelves: 4 - Air circulation fan: Yes - Weight: 130 kg	1400	815	1975				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-21	TỦ ĐÔNG 4 CÁCH Counter freezer	Williams	LG2TSEA	- Nhiệt độ: -18°C đến -22°C - Dung tích: 1270 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 10A - Loại gas: R404a - Số tầng tủ đông 4 cánh inox: 4 - Có hệ thống sấy nước thoát. - Quạt đối lưu không khí: có - Trọng lượng: 130 kg	- Temperature: -18°C to -22°C - Capacity: 1,270 liters - Voltage: 220-240V / 1 Phase - Current: 10A - Refrigerant type: R404a - Number of doors: 4 - Defrost water heating system: Yes - Air circulation fan: Yes - Weight: 130 kg	1400	815	1975				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-22	TỦ Ủ BỘT Retarder Proofer Iverpan	SALVA	FCX-20	- Khoảng trống giữa các khay: 78.5 mm - Sức chứa: 20 khay 600x400mm - Khối lượng: 289kg - Nguồn điện: 230V/1/50 - Công suất: 1.8 kW	- Tray spacing: 78.5 mm - Capacity: 20 trays (600x400 mm) - Weight: 289 kg - Power supply: 230V / 1 Phase / 50Hz - Power consumption: 1.8 kW	600	1027	2187				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-23	CHỤP HÚT CÓ CẤP KHÍ TƯƠI Suply single hood exhausted	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 1.0mm - Fin lọc mỡ Inox 304, dày 0.5mm - Có đèn chiếu sáng trong chụp - Chưa bao gồm hệ thống ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Grease filter fins: SUS 304 stainless steel, 0.5 mm thick - Equipped with built-in lighting - Excluding exhaust ducting and exhaust motor	3300	1450	300				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-23.1	HỆ DẬP CHÁY NHÀ BẾP Fire Suppression System	Ansul	R102									System	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-24	LÒ NƯỚNG BÁNH 3 TẦNG Pizza Oven	Zanolli	TPOLIS 2/MC18+ TPOLIS2 /MC18+ TPOLIS2/MC30+ TPOLIS2/CL2/2 MC+STONE+ST EAM									Pcs	1
Tầng 6	Phòng bán	BK-25	LÒ NƯỚNG ĐÓI LƯU Bakery oven with infrared quartz	Zanolli	LILIPUT 6/MC	- Nhiệt độ tối đa: 270 °C - Sức mạnh tối đa: 10kw - Công suất trung bình: 5kw	- Maximum temperature: 270 °C - Maximum power: 10 kW - Average power consumption: 5 kW	980	950	880				Pcs	1

Tầng 6	Phòng bánh	BK-25.1	CHẬU ĐỒ LÒ NƯỚNG Oven Stand	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thanh V đỡ dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - V-support bars thickness: 1.5 mm - Shelf thickness: 1.2 mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	980	850	850	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-26	BẾP ĐIỆN 2 BẾP Electric Boiling Unit 2 Plates	Lotus	PC-74ET	- Công suất : 5.2 Kw - Điện áp : 400V/3P hoặc 220V/1P - Trọng lượng : 42 kg - Kết cấu bằng inox 304	- Power: 5.2 kW - Voltage: 400V / 3 Phase or 220V / 1 Phase - Weight: 42 kg - Construction: Made of SUS 304 stainless steel	400	705	900	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-27	CHIẾN NHÚNG ĐIỆN ĐƠN Electric Deep Fryers	Lotus	F13-74ET	- Công suất điện: 10,95 kW - Điện áp: 400V~3N / 50-60 Hz - Trọng lượng: 48 kg	- Power consumption: 10.95 kW - Voltage: 400V ~ 3N / 50-60 Hz - Weight: 48 kg	400	705	900	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-28	XE ĐÁY KHAY BÁNH Bakery Tray Trolley	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Khung vuông 25mm - Ray đỡ khay inox 304, dày 1.5mm - Bánh xe Ø125mm, 02 bánh có khóa Không bao gồm khay	- Made of SUS 304 - Frame: 25mm square tubing - Tray support rails: 1.5mm thick SUS 304 - Casters: Ø125mm, 2 with brakes Trays not included	480	650	1750	Pcs	3
Tầng 6	Phòng bánh	BK-29	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-30	BẢN ĐÔNG 1 CÁN Counter freezer 1 door	Williams	LO1U(J)-DX	- Nhiệt độ: -18 / -22°C - Tiêu chuẩn GN 1/1: 1 ngăn, cửa bản lề có khóa - Vỏ ngoài & bên trong: Làm bằng inox 304 - Tấm lưng: Thép mạ kẽm - Công suất điện: 220V / 50Hz / 1 pha; 0.88 kW	- Temperature: -18 / -22°C - GN 1/1 standard, 1 section, hinged door with lock - Exterior & interior: 304 stainless steel - Back panel: Galvanized steel - Electrical loading: 220V / 50Hz / 1 Phase; 0.88 kW	905	670	850	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-31	BẢN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1170	700	850	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-32	THIẾT BỊ NẤU CHOCOLATE Chocolate Melting Machine	KOLB (PRC)	K61-1021D	- Công suất: 2 x 10 Lit - Công suất điện: 0.31 kW - Điện áp: 220V-50Hz	- Dung tích: 2 x 10 lít - Công suất điện: 0.31 kW - Điện áp: 220V – 50Hz	390	648	350	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-32.1	CÂN ĐIỆN TỬ ĐỀ BÀN Digital Tabletop Scale	CAS	SW-1WR	- Kích thước bàn cân: 247x195mm - Trọng lượng của cân: 3,7kg - Màn hình LCD backlight display: 25 mm - Vỏ: Nhựa ABS cao cấp - Độ phân giải: 1/10000	- Weighing platform size: 247x195 mm - Scale weight: 3.7 kg - 5-digit LCD backlight display: 25 mm - Housing: High-quality ABS plastic - Resolution: 1/10000	278	317	141	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-33	BẢN ĐÔNG 1 CÁN Counter freezer 1 door	Williams	LO1U(J)-DX	- Nhiệt độ: -18 / -22°C - Tiêu chuẩn GN 1/1: 1 ngăn, cửa bản lề có khóa - Vỏ ngoài & bên trong: Làm bằng inox 304 - Tấm lưng: Thép mạ kẽm - Công suất điện: 220V / 50Hz / 1 pha; 0.88 kW	- Temperature: -18 / -22°C - GN 1/1 standard, 1 section, hinged door with lock - Exterior & interior: 304 stainless steel - Back panel: Galvanized steel - Electrical loading: 220V / 50Hz / 1 Phase; 0.88 kW	905	670	850	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-34	TỦ TREO TƯỜNG 2 CỬA TRƯỢT Wall-Mounted Cabinet with 2 Sliding Doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Thân xung quanh dày 1.2mm - 02 cửa trượt	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop: 1.5mm thick - Side panels: 1.2mm thick - 02 sliding doors	1200	400	750	Pcs	2
Tầng 6	Phòng bánh	BK-35	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bát Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	960	350	170	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-36	BẾP ĐIỆN TỬ ĐỀ BÀN Top Induction Cooktop	INTECH	TSM 350T	- Điện áp: 220V SPN, 50/60Hz - Công suất: 3.5kW - Kính đen	- Voltage: 220V SPN, 50/60Hz - Power: 3.5 kW - Black glass	350	410	117	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-37	MÁY TRỘN BỘT 5 LÍT Mixer	KUCHENZIM MER	Red 002790	- Loại máy Máy đánh trứng để bàn - Dung tích: 6 lít - Tô trộn Inox 304 - Công suất: 1.800W - Nguồn điện áp 220V/50Hz	- Type: Bench mixer - Capacity: 6 liters - Mixing bowl: SUS 304 stainless steel - Power: 1.800W - Power supply: 220V / 50Hz				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-38	BẢN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1300	700	850	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-39	MẶT ĐÁ GRANITE Granite stone top	Local	Custom	- Mặt đá granite dày 18mm	- Granite top, 18 mm thick	1630+ 1340+ 1300	720	20/120	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-40	BẢN 1 CHẬU 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kém 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1300	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-41	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS10	- Nozzle: 10 in (254.0 mm) - Nozzle Flow: 5.25 GPM (19.87 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)	- Nozzle: 10 in (254.0 mm) - Nozzle Flow: 5.25 GPM (19.87 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-42	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bát Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	2200	350	170	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-43	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW- CRC2P + JW- RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-44	MÁNG VÍ THOÁT SÁN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	525	300	150	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-45	TỦ MÁT 1 CÁN Upright Cabinet	Williams	LG1T(J)-SS	- Model: LG1T(J)SS - Nhiệt độ: -18 / -22°C - Tiêu chuẩn: Gastronorm 2/1 - Vỏ ngoài & bên trong: Inox 304 - Mặt sau: Thép mạ kẽm - Công suất điện: 220V / 50Hz / 1 pha; 0.88 kW	- Model: LG1T(J)SS - Temperature: -18 / -22°C - Standard: Gastronorm 2/1 - Exterior & interior: 304 stainless steel - Back panel: Galvanized steel - Electrical loading: 220V / 50Hz / 1 Phase; 0.88 kW	737	824	1975	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-46	KỆ ĐỐT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Phòng bánh	BK-47	PALLET	JIWIN	PSH4821	- Khối lượng: 10.79kg - Màu sắc: Spot Dust - Chất liệu: PP, ống sắt	- Weight: 10.79 kg - Color: Spot Dust - Material: PP plastic, steel tube	1220	530	225	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-01	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-02	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bát Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1400	350	170	Pcs	1

Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-03	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1400	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-04	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giá rơ. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	500	400	300	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-05	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19,80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-06	BÀN 2 CHẬU 2-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kèm 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-07	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW- CRC2P + JW- RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đáy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-08	BÀN 1 CHẬU 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 600x500x300mm. Kèm 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 600x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1430	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-09	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19,80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-10	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bật Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	5380	350	170	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-11	VỎI XỊT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	5HR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10,7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9,5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2,27 GPM (8,59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-12	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mũi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-13	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	700	850	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-14	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mũi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1200	300/ 120	150	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-15	KHO MÁT Chilled Storage Room	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH64-2EES-3Y GACC RX 031.1/3WN/FHA7 E.TNNN			3100	2300	2700	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-16	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-17	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1000	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-18	XE ĐÀY KHAY GN 2/1 Trolley for GN 2/1 Trays	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Khung vuông 25mm - Ray đỡ khay inox 304, dày 1.5mm - Bánh xe Ø125mm, 02 bánh có khóa Không bao gồm khay	- Made of SUS 304 - Frame: 25mm square tubing - Tray support rails: 1.5mm thick SUS 304 - Casters: Ø125mm, 2 with brakes Trays not included	595	680	1750	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-19	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-20	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1000	500	1500	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-21	KHO ĐÔNG Freezer Room	Bitzer (Đức) Guntner (Đức)	LH64-2DES-2Y GACC RX 031.1/2WN/FHA7 E.TNNN			3100	2750/ 1900	2700	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-22	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-23	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-24	XE ĐÀY KHAY GN 2/1 Trolley for GN 2/1 Trays	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Khung vuông 25mm - Ray đỡ khay inox 304, dày 1.5mm - Bánh xe Ø125mm, 02 bánh có khóa Không bao gồm khay	- Made of SUS 304 - Frame: 25mm square tubing - Tray support rails: 1.5mm thick SUS 304 - Casters: Ø125mm, 2 with brakes Trays not included	595	680	1750	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-25	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1100	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-26	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1000	500	1500	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-27	CHỤP HÚT CÓ CẤP KHÍ TỰƠI Suply single hood exhausted	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 1.0mm - Fin lọc mỡ Inox 304, dày 0.5mm - Có đèn chiếu sáng trong chụp Chưa bao gồm hệ đường ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Grease filter fins: SUS 304 stainless steel, 0.5 mm thick - Equipped with built-in lighting Excluding exhaust ducting and exhaust motor	5300	1500	500	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-27.1	HỆ DẬP CHÁY NHÀ BẾP Fire Suppression System	Ansul	R102						System	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-28	BỘ LỌC NƯỚC CHO LÒ COMBI Water Filter Kit for Combi Steam Oven	Everpure	QL1+A10+EC110 +4CB5	- Tốc độ dòng chảy: 6.35l/phút. - Công suất: 22.800 Lit - 1 lõi lọc	- Flow rate: 6.35 L/min - Capacity: 22,800 liters - 1 filter cartridge				Pcs	1

Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-29	LÒ HẤP NƯỚNG ĐA NĂNG 20 KHAY 1/1 Skyline pros oven 20 GN 1/1 - electric	Electrolux	ECO201K2A0	- Sức chứa: 20 khay GN 1/1 - Trọng lượng: 249 kg - Công suất điện tối đa: 40.4 kW - Công suất điện định mức: 37.7 kW - Điện áp cấp: 380-415V / 3 pha (N) / 50-60 Hz	- Capacity: 20 GN 1/1 trays - Weight: 249kg - Electrical power, max: 40.4 kW - Electrical power, default: 37.7 kW - Supply voltage: 380-415 V/3N ph/50-60 Hz	911	864	1794	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-30	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Laminated Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-31	TỦ HẤP 3 TẦNG DÙNG GAS Lpg heated 3 door chinese steam cabinet	Flame- mate	ESC-3HC	- Trọng lượng: 230kg. - Điện áp : 220V/50Hz/SPN - Công suất đầu đốt : 42 KW / 143.310 BTU/Hr - Khí đầu vào: DN20 - Nước đầu vào : DN15 - Thoát nước : DN40	- Weight: 230 kg - Voltage: 220V / 50Hz / SPN - Burner power: 42 kW / 143,310 BTU/hr - Gas inlet: DN20 - Water inlet: DN15 - Drain outlet: DN40	900	880	1900	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-32	NỒI HẦM DÙNG ĐIỆN 150 LÍT 150lt el.boil.pan-indir.heat.automat	Electrolux	E9BSEHIRFR	- Điện áp cấp: 380-400V / 3 pha (N) / 50-60 Hz - Tổng công suất: 21.5 kW - Dung tích sử dụng của cháo: 143 lít - Trọng lượng tịnh: 135 kg	- Supply voltage: 380-400 V/3N ph/50-60 Hz - Total Watts: 21.5 kW - Pan useful capacity: 143 lt - Net weight: 135 kg	800	930	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-33	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Laminated Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	795	525	150	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-34	CHẢO NGHIÊNG TAY QUAY 100 LÍT DÙNG ĐIỆN Electric Bratt Pan 100lt with Duomat bottom, auto tilting	Electrolux	E9BREJDFPM	- Điện áp cấp: 380-400V / 3 pha (N) / 50-60 Hz - Tổng công suất: 17 kW - Bề mặt nấu: 565 x 880 x 180 mm - Nhiệt độ làm việc tối thiểu: 80°C - Nhiệt độ làm việc tối đa: 300°C - Trọng lượng tịnh: 180 kg	- Supply voltage: 380-400 V/3N ph/50-60 Hz - Total Watts: 17 kW - Cooking Surface: 565x880x180mm - Working Temperature MIN: 80 °C - Working Temperature MAX: 300 °C - Net weight: 180 kg	1000	930	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-35	BẾP HẦM THÁP ĐÔI Lpg d/u stock pot stove	Flame- mate	SPS-2-14F(S)	- Công suất gas: 24kW x 2 = 48kW, ở áp suất 0,5 psi - Kích thước đầu nối gas: DN25	- Gas power: 24kW x 2 = 48kW, at 0.5 psi - Gas connection size: DN25	1200	760	500/ 700	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-36	VỎI NƯỚC BẾP Range Faucet, Wall Mount	T&S	B-0578-01	- Công suất: 2.20 GPM - Trọng lượng: (1,84kg) - Áp suất: 20 - 125 psi (1,38 bar - 8,62 bar) - Nhiệt độ: 40 F - 140 F (4,44 °C - 60 °C) - Vòi phun: 330 mm	- Flow rate: 2.20 GPM - Weight: 1.84 kg - Pressure: 20-125 psi (1.38-8.62 bar) - Temperature: 40-140 °F (4.44-60 °C) - Spray nozzle: 330 mm				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-37	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW- CRC2P + JW- RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-38	BÀN 2 CHẬU 2-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Laminated Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kèm 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	2000	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-39	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19,80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-40	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Laminated Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giỏ rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	500	400	300	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-41	KỆ TREO TRẦN 2 TẦNG PHẪNG 2-Tier Ceiling-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Laminated Inox 304 - Mặt kệ Inox dày 1.2mm, Inox PosCo, 2 lớp - Chân Ø32x1.2mm	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, double-layer Posco SUS - Legs: Ø32x1.2mm	4400	400	400/H	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-42	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Laminated Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-43	BÀN LẠNH 2 CÁCH Counter Chiller	Williams	HO2U (J)-XDD	- Nhiệt độ: 1°C - 4°C - Dung tích: 350 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 720W - Loại gas: R134a - Số tầng bàn mát 2 cánh inox: 3 - Quạt đối lưu không khí: có - Trọng lượng: 90 kg	- Temperature: 1°C - 4°C - Capacity: 350 liters - Voltage: 220-240V/1P - Power: 720W - Gas type: R134a - Number of 2-door stainless steel cooling table floors: 3 - Air convection fan: yes - Weight: 90 kg	1420	660	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-44	BÀN LẠNH 6 NGĂN KÉO 6-Drawer Undercounter Chiller	Williams	HO3U(J)-XNNN	- Nhiệt độ: 1°C - 4°C - Điện áp: 220-240V/1P - Loại gas: R134a - Dung tích: 510 lít - 06 hộc kéo	- Temperature: 1°C - 4°C - Voltage: 220-240V/1P - Gas type: R134a - Capacity: 510 lit - 06 drawers	1835	670	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-45	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Laminated Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-46	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Laminated Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	4
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-47	CHỤP HÚT ĐÔI CÓ CẤP KHÍ TUỖI Suply double hood exhausted	Local	Custom	- Laminated Inox 304 dày 1.0mm - Fin lọc mỡ Inox 304, dày 0.5mm - Có đèn chiếu sáng trong chụp - Chưa bao gồm hệ đường ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Grease filter fins: SUS 304 stainless steel, 0.5 mm thick - Equipped with built-in lighting - Excluding exhaust ducting and exhaust motor	5200	3200	500	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-47.1	HỆ DẬP CHÁY NHÀ BẾP Fire Suppression System	Ansul	R102						System	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-48	BÀN TRUNG GIAN BẾP ÂU Intermediate Table for Western Kitchen	Local	Custom	- Laminated Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	600	930	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-49	BẾP ÂU 6 HỌNG CÓ LÒ NƯỚNG DÙNG GAS 6 Burner gas range + Oven	Electrolux	E9GCCGL6C1M	- Công suất gas: 68,5 kW - Đường kính gas đầu vào: 1/2" - Nhiệt độ làm việc của lò nướng: 120°C (TỐI THIỂU); 280°C (TỐI ĐA) - Khối lượng tịnh: 164 kg	- Gas Power: 68.5 kW - Gas Inlet: 1/2" - Oven working Temperature: 120 °C MIN; 280 °C MAX - Net weight: 164 kg	1200	930	850	Pcs	1

Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-50	BẾP RẮN PHẪNG DÙNG GAS Gas Frytop smooth Horizontal Plate	Electrolux	E9IINAOMEA	- Công suất gas: 20 kW - Đường ống gas vào: 1/2" - Nhiệt độ làm việc tối thiểu: 90 °C - Nhiệt độ làm việc tối đa: 270 °C - Khối lượng tịnh: 105 kg	- Gas Power: 20 kW - Gas Inlet: 1/2" - Working Temperature MIN: 90 °C - Working Temperature MAX: 270 °C - Net weight: 105 kg	800	930	250	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-50.1	CỤM CHÂN BK-50 Leg Assembly BK-50	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thanh V đỡ dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - V-support bars thickness: 1.5 mm - Shelf thickness: 1.2 mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	800	860	600	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-51	BÀN TRUNG GIAN BẾP ÁU Intermediate Table for Western Kitchen	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	500	930	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-52	BẾP NƯỚNG THAN NHÂN TẠO DÙNG GAS Gas Grill Top	Electrolux	E9GRGHGCP	- Công suất gas: 21 kW - Đường kính gas vào: 1/2" - Kích thước mặt bếp: 742x644mm - Khối lượng tịnh: 110 kg	- Gas Power: 21 kW - Gas Inlet: 1/2" - Cooking surface: 742x644mm - Net weight: 110 kg	800	930	250	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-52.1	CỤM CHÂN BK-52 Leg Assembly BK-52	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thanh V đỡ dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - V-support bars thickness: 1.5 mm - Shelf thickness: 1.2 mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	800	860	600	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-53	CHIẾN NHỮNG ĐIỆN ĐỐI 2X18LIT 18+18L Electric Deep Fryer	Electrolux	E9FREH2HF0	- Điện áp cung cấp: 380-400 V/3N pH/50/60 Hz - Tổng công suất: 33 kW - Kích thước sử dụng: 340x290x400mm - Dung tích: 18 lít TỐI THIỂU; 20 lít TỐI ĐA - Dải nhiệt độ: 105 °C TỐI THIỂU; 185 °C TỐI ĐA - Khối lượng tịnh: 115 kg	- Supply voltage: 380-400 V/3N pH/50/60 Hz - Total Watts: 33 kW - Usable well dimensions: 340x290x400mm - Well capacity: 18 lt MIN; 20 lt MAX - Thermostat Range: 105 °C MIN; 185 °C MAX - Net weight: 115 kg	800	930	250	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-54	BÀN TRUNG GIAN BẾP ÁU Intermediate Table for Western Kitchen	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	500	930	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-55	BÀN TRUNG GIAN BẾP Á Intermediate Table for Asian Kitchen	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	600	1250	1250	Pcs	3
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-56	BẾP Á ĐƠN QUẠT THỜI Lpg s/u environmental wok range, guangdong style	Flame- mate	ECR-1-GF	- Công suất gas: 48kW, áp suất 0.5 psi - Kích thước đầu nối gas: DN20 - Kích thước đầu nối cấp nước: DN15 - Kích thước đầu nối thoát nước: DN40 - Kết nối điện cho quạt: 220V/50Hz/130W	- Gas power: 48kW, at 0.5 psi - Gas connection size: DN20 - Water supply connection size: DN15 - Water drainage connection size: DN40 - Electrical connection for blower: 220V/50Hz/130W	1200	1250	810+440	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-57	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, gió rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	400	300	220	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-58	BẾP Á ĐÔI QUẠT THỜI Lpg d/u environmental wok range,guangdong style	Flame- mate	ECR-2-GF	- Công suất gas: 48kWx2, áp suất 0,5 psi - Kích thước đầu nối gas: DN20 - Kích thước đầu nối cấp nước: DN15 - Kích thước đầu nối thoát nước: DN40 - Kết nối điện cho quạt: 220V/50Hz/130Wx2	- Gas power: 48kW x 2 = 96kW, at 0.5 psi - Gas connection size: DN20 - Water supply connection size: DN15 - Water drainage connection size: DN40 - Electrical connection for blower: 220V/50Hz/130W x 2	2200	1250	810+440	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-59	SALAMANDER DÙNG ĐIỆN Salamander	Electrolux	E0UADBOMOA	- Điện áp cung cấp: 380/415 V/3N pH/50/60 Hz - Công suất điện, tối đa: 4 kW - Khối lượng tịnh: 48 kg	- Supply voltage: 380/415 V/3N pH/50/60 Hz - Electrical power, max: 4 kW - Net weight: 48 kg	600	549	510	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-59.1	KỆ TREO SALAMANDER Salamander Wall Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-60	QUẦY KHÔNG CỬA CÓ KỆ GIỮA Counter with Middle Shelf – No Door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, body: 1.2mm thick Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	400	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-61	KỆ TREO TRẦN 2 TẦNG PHẪNG 2-Tier Ceiling-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ Inox dày 1.2mm, Inox PosCo, 2 lớp - Chân Ø32x1.2mm	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, double-layer Posco SUS - Legs: Ø32x1.2mm	4600	400	400/H	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-62	QUẦY KHÔNG CỬA CÓ KỆ GIỮA Counter with Middle Shelf – No Door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, body: 1.2mm thick Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	400	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-63	QUẦY KHÔNG CỬA CÓ KỆ GIỮA Counter with Middle Shelf – No Door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, body: 1.2mm thick Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	400	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-64	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5,23 GPM (19,80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-65	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, gió rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	400	300	300	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-66	BÀN 1 CHẬU GIẶT CẤP 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kém 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	700	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-67	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm		Ø492	748	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-68	BÀN LẠNH 3 CỬA Counter chiller 3 doors	Williams	HO3U(J)-XDDD	- Nhiệt độ: 1°C – 4°C - Dung tích: 510 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 4A - Loại gas: R134a - Số tầng bản mát 3 cánh inox: 3 - Quạt đối lưu không khí: có - Trọng lượng: 160 kg	- Temperature: 1°C – 4°C - Capacity: 510 liters - Voltage: 220-240V/1P - Power: 4A - Gas type: R134a - Number of 3-blade stainless steel cooling table floors: 3 - Air convection fan: yes - Weight: 160 kg	1885	650	845	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-69	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	700	850	Pcs	1

Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-70	QUẦY GIỮ NÓNG Đĩa Heated Plate Cabinet	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy inox dày 1.2mm, thân dày 1.0mm - Trang bị tủ điện điều khiển có các chức năng: + Cài đặt nhiệt độ sấy +40°C - +60°C + Quạt gió đối lưu + Công suất điện trở 2Kw, 3P/50Hz	- Made of 304 stainless steel, - Countertop thickness: 1.2mm, body thickness: 1.0mm - Equipped with a control electrical cabinet with the following functions: + Adjustable drying temperature: +40°C – +60°C + Convection fan + Heating element power: 2 kW, 3P/50Hz	1500	700	850	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-71	QUẦY KHÔNG CỬA CÓ KỆ GIỮA Counter with Middle Shelf – No Door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, kệ, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, shelf, body: 1.2mm thick Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-72	KỆ TREO TRẦN 2 TẦNG PHẪNG 2-Tier Ceiling-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ Inox dày 1.2mm, Inox PosCo, 2 lớp - Chân Ø32x1.2mm	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, double-layer Posco SUS - Legs: Ø32x1.2mm	4200	600	400/H	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-73	QUẦY KHÔNG CỬA CÓ KỆ GIỮA Counter with Middle Shelf – No Door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, kệ, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, shelf, body: 1.2mm thick Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-74	ĐÈN GIỮ NÓNG THỨC ĂN Aluminum Infrared Strip Heaters	Hatco	GRAH-48	- Điện áp: 240V - Công suất: 1100W	- Voltage: 240V - Power: 1100W	1219	153	64	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-75	QUẦY KHÔNG CỬA CÓ KỆ GIỮA Counter with Middle Shelf – No Door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, kệ, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, shelf, body: 1.2mm thick Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	700	850	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-76	BÀN DI ĐỘNG 1 KỆ DƯỚI Mobile Work Table with Single Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Bánh xe D100mm	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850	Pcs	6
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-77	XE GIỮ NÓNG THỨC ĂN Mobile Heated	Williams	MHC16SS	- Dải nhiệt độ: +78 / +82°C - Dung tích: 550L - Công suất định mức: 2860W - Số khay trượt: 16	- Temp range: +78 / +82°C - Capacity: 550L - Rating Power: 2860W - Trayslides: 16	807	885	1768	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-78	XE GIỮ LẠNH THỨC ĂN Mobile Refrigerated	Williams	MRC16SS	- Dải nhiệt độ: +1 / +4°C - Dung tích: 544L - Công suất định mức: 660W - Số khay trượt: 16	- Temp range: +1 / +4°C - Capacity: 544L - Rating Power: 660W - Trayslides: 16	807	885	1768	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-79	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1200	300/120	150	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-80	THÙNG Đựng ĐÁ CHO MÁY LÀM ĐÁ + KIT Ice Storage Bin for Ice Maker + Installation Kit	Scotman	NB 530	- Dung tích thùng đá : 243 kg - Trọng lượng: 55.6 kg	- Ice box capacity: 243 kg - Weight: 55.6 kg	768	873	1268	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-81	MÁY LÀM ĐÁ VIÊN 680KG/ NGÀY Ice Cube Maker – 680 kg/day Capacity	Scotman	NW-1408	- Làm lạnh bằng không khí - Công suất (32°C/21°C): 500 kg/ ngày - Năng lượng tiêu thụ : 56.2 kWh/24h - Lượng nước sử dụng : 26.6 L/hr - Điện áp : 230/50/1+E - Trọng lượng: 130 kg	- Air cooling - Capacity (32°C/21°C): 500 kg/day - Energy consumption: 56.2 kWh/24h - Water usage: 26.6 L/hr - Voltage: 230/50/1+E - Weight: 130 kg	765	610	1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-82	BỘ LỌC NƯỚC CHO MÁY ĐÁ VIÊN Water Filter for Ice Maker	Everpure	QL1+A10+EC110+4CB5+UV	- Tốc độ dòng chảy: 6.35l/phút. - Công suất: 22.800 Lit - 1 lõi lọc - Đèn diệt khuẩn	- Flow rate: 6.35 L/min - Capacity: 22,800 liters - 1 filter cartridge - UV sterilization lamp				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-83	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	0
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-84	VỎI XIT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	5HR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10.7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9.5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2.27 GPM (8.59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-85	XE PHỤC VỤ 3 TẦNG 3-Shelf Serving Cart	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.5 mm, Inox PosCo - Tay đẩy D32x1.2mm - Bánh xe D125mm, 2 bánh có khóa	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.5mm thick, Posco SUS - Handle: Ø32x1.2mm - Casters: Ø125mm, 2 with brake	900	600	900	Pcs	4
Tầng 6	Khu bếp tiệc	BMK-86	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	2
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiệc	BCK-01	BÀN LẠNH SALAD Salad counter chiller	Williams	HPC2(J)-XDD	- Dải nhiệt độ: +1 / +4°C - Dung tích: 736L - Dung tích (1/3 khay GN): 9 - Nguồn điện: 220V / 50HZ / 1PH - Công suất định mức: 1100W	- Temp range: +1 / +4°C - Capacity: 736L - Capacity (1/3 GN pan): 9 - Power supply: 220V / 50HZ / 1PH - Rating Power: 1100W	1765	865	1055	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiệc	BCK-02	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiệc	BCK-03	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dây 1.2mm Inox PosCo - Bát Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	3100	350	170	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiệc	BCK-04	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiệc	BCK-05	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh / Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đẩy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiệc	BCK-06	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	525	300	150	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiệc	BCK-07	MÁY THÁI LÁT Slicer	Sirman	Mirra 300 Y09	- Đường kính lưỡi dao: 300 mm - Công suất Motor: 210 W - Độ dày tối đa: 13mm - Trọng lượng: 20.5 Kg - Điện áp: 230V/1Ph/50Hz	- Blade diameter: 300 mm - Motor power: 210 W - Maximum thickness: 13 mm - Weight: 20.5 Kg - Voltage: 230V/1Ph/50Hz	640	610	420	Pcs	1

Tầng 6	Khu bếp lạnh tiện	BCK-08	BÀN 1 CHẬU GIẶT CẤP 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Laminating Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 600x500x300mm. Kèm 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 600x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiện	BCK-09	VỎI NÓNG LẠNH Hot and Cold faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS10	- Đầu phun (Nozzle): 10 inch (254.0 mm) - Lưu lượng đầu phun: 5.25 GPM (19,87 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 10 in (254.0 mm) - Nozzle Flow: 5.25 GPM (19.87 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiện	BCK-10	TỦ MÁT 4 CÁNҺ Counter Chiller	Williams	HG2TSEA	- Nhiệt độ: 1°C đến 4°C - Dung tích: 130 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 10A - Loại gas: R134a	- Temperature: 1°C to 4°C - Capacity: 130 liters - Voltage: 220-240V/1P - Power: 10A - Gas type: R134a	1400	815	1975	Pcs	1
Tầng 6	Khu bếp lạnh tiện	BCK-11	TỦ ĐÔNG 2 CÁNҺ Counter Freezer	Williams	LG1TSEA	- Nhiệt độ: -18°C đến -22°C - Dung tích: 595 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 10A - Loại gas: R404a	- Temperature: -18°C to -22°C - Capacity: 595 liters - Voltage: 220-240V/1P - Power: 10A - Gas type: R404a	737	815	1975	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-01	BÀN 1 KẾ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Laminating Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1300	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-02	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Laminating Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bạt Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	3630	350	170	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-03	BÀN LẠNH 2 CÁNҺ Counter Chiller 2 doors	Williams	HO2U (J)-XDD	- Nhiệt độ: 1°C – 4°C - Dung tích: 350 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 720W - Loại gas: R134a - Số tầng bàn mát 2 cánh inox: 3 - Quạt đối lưu không khí: có - Trọng lượng: 90 kg	- Temperature: 1°C – 4°C - Capacity: 350 liters - Voltage: 220-240V/1P - Power: 720W - Gas type: R134a - Number of 2-door stainless steel cooling table floors: 3 - Air convection fan: yes - Weight: 90 kg	1420	660	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-04	BÀN 1 KẾ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Laminating Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1560	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-05	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-06	BÌNH ĐUN NƯỚC SÔI Hot Water Boiler	INSTANT-MATE	WM60-1	- Điện áp: 220V SPN, 50/60Hz - Công suất: 2,85kW - Hiển thị nhiệt độ nước - Nhiệt độ nước: 92°C~97°C - Cấp nước nóng: 55L / giờ	- Voltage: 220V SPN, 50/60Hz - Capacity: 2.85kW - Water temperature display - Water temperature: 92°C~97°C - Hot water supply: 55L / hour	345	355	675	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-07	BỘ LỌC NƯỚC Water Filter	Everpure	Claris-s	- Kích thước: 31,5 cm x 9,4 cm - Tốc độ chảy tối đa: 2 lít/phút - Chịu nhiệt: 4-30°C - Khả năng chịu áp suất nước: 29-116 psi	- Dimensions: 31.5 cm x 9.4 cm - Maximum flow rate: 2 liters/minute - Temperature resistance: 4-30°C - Water pressure resistance: 29-116 psi	315	94		Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-08	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-09	BÀN 1 CHẬU GIẶT CẤP 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Laminating Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kèm 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-10	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS10	- Đầu phun (Nozzle): 10 inch (254.0 mm) - Lưu lượng đầu phun: 5.25 GPM (19,87 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 10 in (254.0 mm) - Nozzle Flow: 5.25 GPM (19.87 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-11	MÁY XAY SINH TỐ Blender	Santos	Santos 62	- Laminating Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	200	247	441	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-12	MÁY NƯỚC ÉP HOA QUẢ Juice Extractor	Santos	Santos 28	- Sản lượng trung bình: 100L/h - Tốc độ: 3000 vòng/phút ~ 3600 vòng/phút (50/60 Hz) - Công suất: 1300W - Điện áp: 220-240V / 50Hz/ 1P - Trọng lượng tịnh: 23,65 kg	- Average output: 100L/h - Speed: 3000 rpm ~ 3600 rpm (50/60 Hz) - Capacity: 1300W - Voltage: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Net weight: 23.65 kg	480	320	570	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-13	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-14	TỦ MÁT 4 CÁNҺ Counter chiller	Williams	HG2TSEA	- Nhiệt độ: 1°C đến 4°C - Dung tích: 130 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 10A - Loại gas: R134a	- Temperature: 1°C to 4°C - Capacity: 130 liters - Voltage: 220-240V/1P - Power: 10A - Gas type: R134a	1400	815	1975	Pcs	1
Tầng 6	Khu pha chế nước tiện	BED-15	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Laminating Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1000	500	1500	Pcs	2
Tầng 6	Kho khô bếp tiện	BDS-01	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Laminating Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1300	500	1500	Pcs	2
Tầng 6	Kho khô bếp tiện	BDS-02	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Laminating Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1200	500	1500	Pcs	1

Tầng 6	Kho khô bếp tiện	BDS-03	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1400	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Kho khô bếp tiện	BDS-04	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1300	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Kho khô bếp tiện	BDS-05	KỆ 4 TẦNG PHẪNG 4-Tier Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-01	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-02	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	300	300	150	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-03	KỆ RACK TRÊN BÀN Tabletop Rack Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D30x1.2mm	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm	1880	600	850	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-04	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đẩy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-05	BÀN BÁT BÀN 2 CHẬU 2-Bowl Dirty Dish Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 450x450x300mm. Kèm 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 450x450x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	2480 +2000	800/ 920	850/ 1150	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-06	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giá rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	600	400	300	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-07	VÒI PHUN TRẮNG Pre-raise faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-H	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.29 GPM (16,24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1,15 GPM / 4,35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1,15 GPM (4,35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-08	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-09	MÁY RỬA CHÉN Undercounter Dishwasher	Hobart	Ecomax-504-10B	- Thời gian chu trình*: 60 / 120 / 180 giây - Công suất rửa khay: 60 khay/giờ - Dung tích bồn chứa: 25 lít - Lượng nước tiêu thụ: 2.0 lít/khay - Công suất bơm rửa: 0.34 kW - Tổng công suất kết nối – Chuẩn: 5.9 kW (400 V) - Tổng công suất kết nối – Tùy chọn: 2.2 kW (230 V) - Điện áp định mức: 400V / 50Hz / 3 pha N (hoặc 230V / 50Hz / 1 pha) - Chiều cao khoang rửa: 360 mm - Kích thước khay rửa: 500 x 500 mm	- Cycle times*60 / 120 / 180 sec. - Rack capacity: 60 /h - Tank capacity: 25 l - Water consumption: 2.0 l/rack - Wash pump: 0.34 kW - Tank heating:1.8 kW - Total connected load - Alternative:2.2 kW (230 V) - Rated voltage: 400 / 50 / 3N (230 / 50 / 1) - Loading height: 360 mm - Rack size: 500 x 500 mm	576	604	820	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-10	ỐNG HÚT MÁY RỬA CHÉN Dishwasher Pipe	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 0.8mm	- Made of 0.8mm thick 304 stainless steel	700	300	370 +1200	Pcs	2
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-10A	CHỤP HÚT MÁY RỬA CHÉN Hood for Dish washer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 1.0mm - Chưa bao gồm hệ đường ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Excluding exhaust ducting and exhaust motor	800	600	300	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-11	MÁY RỬA CHÉN BĂNG TẢI Rack Conveyor Dishwashers	Hobart	CSA-200	- Nhiệt độ: -60°C – 82°C - Công suất rửa: -200 đĩa/giờ hoặc 4.000 đĩa/giờ - Nguồn điện: -380-400 V/50 Hz/3N Ph	- Temperature: -60°C – 82°C - Wash Capacity: -200 Rack / Hour or 4,000 dishes / Hour - Power Supply: -380-400 V/50 Hz/3N Ph	1350	773	1474	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-12	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-13	BÀN BÁT SẠCH Clean Dish Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	800	850/ 1150	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-14	VÒI XỊT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	5HR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10,7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9,5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2,27 GPM (8,59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-15	BÀN CHẬU RỬA DỤNG CỤ Utensil Washing Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - 03 hộc chậu: 600x550x300mm. Kèm 03 bộ xả - 01 hộc chậu nhỏ: 200x550x300mm - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowls: 1.5mm thick Posco SUS - 03 sink compartments: 600x550x300mm, includes 03 drain sets - 01 small sink compartment: 200x550x300mm - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	2300	750	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-16	VÒI PHUN TRẮNG Pre-raise faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-H	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.29 GPM (16,24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1,15 GPM / 4,35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1,15 GPM (4,35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-17	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giá rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	800	400	300	Pcs	1
Tầng 6	Khu rửa bếp tiện	BDW-18	MÓC TREO DỤNG CỤ Tool Hanging Hook	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm	- Material: SUS 304, Thickness: 1.2mm	1200	350	170	Pcs	1

Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-20	BÀN LẠNH 6 NGĂN KÉO 6-Drawer Undercounter Chiller	Williams	HO3U(J)-XNNN	- Nhiệt độ: 1°C – 4°C - Điện áp: 220-240V/1P - Loại gas: R134a - Dung tích: 510 lít - 06 hộc kéo	- Temperature: 1°C – 4°C - Voltage: 220-240V/1P - Gas type: R134a - Capacity: 510 lit - 06 drawers	1835	670	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-21	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1650	700	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-22	MÁNG VÍ THOÁT SÁN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150	Pcs	4
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-23	CHỤP HÚT ĐỐI CÓ CẤP KHÍ TUỔI Suply double hood exhausted	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 1.0mm - Fin lọc mỡ Inox 304, dày 0.5mm - Có đèn chiếu sáng trong chụp - Chưa bao gồm hệ đường ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Grease filter fins: SUS 304 stainless steel, 0.5 mm thick - Equipped with built-in lighting - Excluding exhaust ducting and exhaust motor	5500	2850	500	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-23.1	HỆ DẬP CHÁY NHÀ BẾP Fire Suppression System	Ansul	R.102						System	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-24	BÀN TRUNG GIAN BẾP Á Intermediate Prep Table for Asian Cooking Line	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	400	900	810 +440	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-25	BẾP Á ĐỐI QUẠT THỎI Lpg d/u environmental chop suey range	Flame- mate	ESR-2-HF	- Công suất gas: 32kW x 2 = 64kW, ở áp suất 0,5 psi - Kích thước đầu nối gas: DN25 - Kích thước đầu nối cấp nước: DN15 - Kích thước đầu nối thoát nước: DN40 - Kết nối điện cho quạt: 220V/SPN/50Hz/100W x 2	- Gas power: 32kW x 2 = 64kW, at 0.5 psi - Gas connection size: DN25 - Water supply connection size: DN15 - Water drainage connection size: DN40 - Electrical connection for blower: 220V/SPN/50Hz/100W x 2	1500	900	810 +440	Pcs	2
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-26	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, gió rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	400	300	220	Pcs	2
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-27	BÀN TRUNG GIAN BẾP Á Intermediate Prep Table for Asian Cooking Line	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	400	900	810 +440	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-28	BẾP HÀM THÁP ĐỐI Lpg d/u stock pot stove	Flame- mate	SPS-2-14F(S)	- Công suất gas: 24kW x 2 = 48kW, ở áp suất 0,5 psi - Kích thước đầu nối gas: DN25	- Gas power: 24kW x 2 = 48kW, at 0.5 psi - Gas connection size: DN25	1200	760	500/ 700	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-29	VỎI NƯỚC BẾP Range Faucet, Wall Mount	T&S	B-0578-01	- Công suất: 2,20 GPM - Trọng lượng: (1,84kg) - Áp suất: 20 – 125 psi (1,38 bar – 8,62 bar) - Nhiệt độ: 40 F – 140 F (4,44 °C – 60 °C) - Vòi phun: 330 mm	- Flow rate: 2.20 GPM - Weight: 1.84 kg - Pressure: 20–125 psi (1.38–8.62 bar) - Temperature: 40–140 °F (4.44–60 °C) - Spray nozzle: 330 mm				Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-30	BỘ LỌC NƯỚC CHO LÒ COMBI Water Filter Kit for Combi Steam Oven	Everpure	QL1+A10+EC110 +4CB5	- Tốc độ dòng chảy: 6.35/lít/phút. - Công suất: 22.800 Lit - 1 lõi lọc	- Flow rate: 6.35 L/min - Capacity: 22,800 liters - 1 filter cartridge				Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-31	LÒ HẤP NƯỚNG ĐA NĂNG 10 KHAY 1/1 Skyline Pros Oven 10 GN 1/1	Electrolux	ECOE101K2A0			867	775	1058	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-31.1	CHÂN ĐỠ LÒ COMBI Combi Oven Stand	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thanh V đỡ dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - V-support bars thickness: 1.5 mm - Shelf thickness: 1.2 mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	860	700	800	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-32	BÀN TRUNG GIAN BẾP Á Intermediate Work Table for Western Kitchen	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	400	730	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-33	BÀN TRUNG GIAN BẾP Á Intermediate Work Table for Western Kitchen	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	400	730	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-34	NƯỚNG THAN NHÂN TẠO DÙNG GAS Gas Grill on base	Electrolux	E7GRGHGCFU			800	730	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-35	NƯỚNG THAN NHÂN TẠO DÙNG GAS Gas Grill on base	Electrolux	E7GRGHGCFU			800	730	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-36	RÁN PHẪNG DÙNG GAS Gas fry top-smooth sloped plate	Electrolux	E7IIKAAOMCA G + E7BAND0000			800	730	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-37	BẾP Á 4 HỌNG DÙNG GAS CÓ LÒ NƯỚNG DÙNG ĐIỆN 4 Burner Gas range + Electric Oven	Electrolux	E7GCGH4CE0			800	730	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-38	BÀN TRUNG GIAN BẾP Á Intermediate Work Table for Western Kitchen	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	400	730	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-39	KỆ TREO TRẦN 2 TẦNG PHẪNG 2-Tier Ceiling-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ Inox dày 1.2mm, Inox PosCo, 2 lớp - Chân Ø32x1.2mm	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, double-layer Posco SUS - Legs: Ø32x1.2mm	4680	400	800/H	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-40	BÀN LẠNH 6 NGĂN KÉO 6-Drawer Undercounter Chiller	Williams	HO3U(J)-XNNN	- Nhiệt độ: 1°C – 4°C - Điện áp: 220-240V/1P - Loại gas: R134a - Dung tích: 510 lít - 06 hộc kéo	- Temperature: 1°C – 4°C - Voltage: 220-240V/1P - Gas type: R134a - Capacity: 510 lit - 06 drawers	1835	670	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-41	BÀN LẠNH 2 CẢNH Counter Chiller	Williams	HO2U (J)-XDD	- Nhiệt độ: 1°C – 4°C - Dung tích: 350 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 720W - Loại gas: R134a - Số tầng bản mát 2 cánh inox: 3 - Quạt đối lưu không khí: có - Trọng lượng: 90 kg	- Temperature: 1°C – 4°C - Capacity: 350 liters - Voltage: 220-240V/1P - Power: 720W - Gas type: R134a - Number of 2-door stainless steel cooling table floors: 3 - Air convection fan: yes - Weight: 90 kg	1420	660	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp ADD	AMK-42	BÀN 1 CHẬU GIẶT CẤP 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 450x450x300mm. Kém 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 450x450x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1470	700	850	Pcs	1

Tầng 7	Khu bếp lạnh ADD	ACK-08	MÁY THÁI LÁT Slicer	Simran	Mirra 300 Y09	- Đường kính lưỡi dao: 300 mm - Công suất Motor: 210 W - Độ dày tối đa: 13mm - Trọng lượng: 20.5 Kg - Điện áp: 230V/1Ph/50Hz	- Blade diameter: 300 mm - Motor power: 210 W - Maximum thickness: 13 mm - Weight: 20.5 Kg - Voltage: 230V/1Ph/50Hz	640	610	420	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp lạnh ADD	ACK-09	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1280	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp lạnh ADD	ACK-10	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp lạnh ADD	ACK-11	BÀN LẠNH SALAD Salad counter chiller	Williams	HPC2(I)-XDD	- Dải nhiệt độ: +1 / +4°C - Dung tích: 736L - Dung tích (1/3 khay GN): 9 - Nguồn điện: 220V / 50HZ / 1PH - Công suất định mức: 1100W	- Temp range: +1 / +4°C - Capacity: 736L - Capacity (1/3 GN pan): 9 - Power supply: 220V / 50HZ / 1PH - Rating Power: 1100W	1765	865	1055	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp lạnh ADD	ACK-12	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	525	300	150	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-01	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knece operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-02	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	300	300	150	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-03	KỆ RACK TRÊN BÀN Tabletop Rack Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D30x1.2mm	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm	1550	600	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-04	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh / Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-05	BÀN BÁT BÀN 2 CHẬU 2-Bowl Dirty Dish Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 450x450x300mm. Kèm 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 450x450x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	2050 +2010	800/ 920	850/ 1150	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-06	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giá rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	600	400	300	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-07	VÒI PHUN TRẮNG Pre-raise faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-H	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4,29 GPM (16,24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1,15 GPM / 4,35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1,15 GPM (4,35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-08	MÁY RỬA LY Undercounter dishwashers	Hobart	Ecomax-504-10B	- Thời gian chu trình*: 60 / 120 / 180 giây - Công suất rửa khay: 60 khay/giờ - Dung tích bồn chứa: 25 lít - Lượng nước tiêu thụ: 2.0 lít/khay - Công suất bơm rửa: 0.34 kW - Tổng công suất kết nối – Chuẩn: 5.9 kW (400 V) - Tổng công suất kết nối – Tùy chọn: 2.2 kW (230 V) - Điện áp định mức: 400V / 50Hz / 3 pha N (hoặc 230V / 50Hz / 1 pha) - Chiều cao khoang rửa: 360 mm - Kích thước khay rửa: 500 x 500 mm	- Cycle times*60 / 120 / 180 sec. - Rack capacity: 60 /h - Tank capacity: 25 l - Water consumption: 2.0 l/rack - Wash pump: 0.34 kW - Tank heating:1.8 kW - Total connected load - Alternative2.2 kW (230 V) - Rated voltage: 400 / 50 / 3N (230 / 50 / 1) - Loading height: 360 mm - Rack size: 500 x 500 mm	576	604	820	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-09	ỐNG HÚT MÁY RỬA CHÉN Dishwasher Pipe	Local	Custom			700	300	Ø70+120	Pcs	2
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-10	CHỤP HÚT MÁY RỬA CHÉN Hood for Dish washer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 1.0mm - Chưa bao gồm hệ đường ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Excluding exhaust ducting and exhaust motor	800	600	300	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-11	MÁY RỬA CHÉN BĂNG TẢI Rack Conveyor Dishwashers	Hobart	CSA-200	- Nhiệt độ: -60°C – 82°C - Công suất rửa: ~200 giá/giờ hoặc 4.000 đĩa/giờ - Nguồn điện: -380-400 V/50 Hz/3N Ph	- Temperature: -60°C – 82°C - Wash Capacity: ~200 Rack / Hour or 4,000 dishes / Hour - Power Supply: ~380-400 V/50 Hz/3N Ph	1350	773	1474	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-12	BÀN BÁT SẠCH Clean Dish Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	800	850/ 1150	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-13	XE ĐÁY RACK Rack Trolley	Local	Custom						Pcs	2
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-14	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1950	300	150	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-15	VÒI XIT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	SHR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10,7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9,5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2,27 GPM (8,59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-16	BÀN CHẬU RỬA DỤNG CỤ Utensil Washing Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - 03 hộc chậu: 600x550x300mm. Kèm 03 bộ xả - 01 hộc chậu nhỏ: 200x550x300mm - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowls: 1.5mm thick Posco SUS - 03 sink compartments: 600x550x300mm, includes 03 drain sets - 01 small sink compartment: 200x550x300mm - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	2300	750	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-17	VÒI PHUN TRẮNG Pre-raise faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-H	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4,29 GPM (16,24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1,15 GPM / 4,35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1,15 GPM (4,35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1

Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-18	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giỏ rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	800	400	300	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-19	MÓC TREO DỤNG CỤ Tool Hanging Hook	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dây 1.2mm	- Material: SUS 304, Thickness: 1.2mm	1200	350	170	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-20	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19.80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-21	KỆ ĐỐT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-22	KỆ ĐỐT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1000	500	1500	Pcs	2
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-23	KỆ ĐỐT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1400	500	1500	Pcs	1
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-24	XE ĐÁY ĐĨA Dish Caddy	JIWIN	JW-ADCS240	- Màu sắc: Xám - Chất liệu: PP - Công suất: 240 đĩa	- Colour: Grey - Material: PP - Capacity: 240 dishes				Pcs	2
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-25	KỆ ĐỐT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1400	500	1500	Pcs	2
Tầng 7	Khu rửa bếp ADD	ADW-26	KỆ ĐỐT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1200	500	1500	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-01	QUẦY 3 CỬA MỞ Cabinet 3 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 03 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 03 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-02	BÀN LẠNH 4 NGĂN KÉO 4-Drawer Undercounter Chiller	Williams	HO2U (J)-XNN	- Nhiệt độ: 1°C – 4°C - Điện áp: 220-240V/1P - Loại gas: R134a - Dung tích: 327 Lit - 04 hộc kéo	- Temperature: 1°C – 4°C - Voltage: 220-240V/1P - Gas type: R134a - Capacity: 327 L - 04 drawers	1370	670	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-03	QUẦY 1 CHẬU CÓ NGĂN KÉO RÁC 1-Bowl Counter with Waste Drawer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy và hộc chậu, thân dày 1.5mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - KT hộc chậu: 500x500x300mm. Kèm 02 bộ xả - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, sink bowl/body: 1.5mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Sink bowl size: 500x500x300mm, includes 2 drain sets - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	600	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-03.1	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-2SLX08	- Đầu vòi: 8 inch (203.2 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.65 GPM (17.60 lít/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140 °F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40 °F (4.44°C)	- Nozzle: 8 in (203.2 mm) - Nozzle Flow: 4.65 GPM (17.60 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140°F (60°C) - Temperature Min: 40°F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-04	BÀN LẠNH 4 NGĂN KÉO 4-Drawer Undercounter Chiller	Williams	HO2U (J)-XNN	- Nhiệt độ: 1°C – 4°C - Điện áp: 220-240V/1P - Loại gas: R134a - Dung tích: 327 Lit - 04 hộc kéo	- Temperature: 1°C – 4°C - Voltage: 220-240V/1P - Gas type: R134a - Capacity: 327 L - 04 drawers	1370	670	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-05	QUẦY 3 CỬA MỞ Cabinet 3 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 03 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 03 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-06	CHẬU RỬA TAY + VỎI CAM ỨNG Hand Wash Basin	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, - Chậu tròn Ø300*125mm - Bao gồm 01 bồn xả + 1 Vòi nước + 01 Van gối.	- Made of SUS 304 stainless steel - Round sink bowl: Ø300x125mm - Includes: 01 drain kit, 01 faucet, and 01 knee valve				Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-06.1	VỎI CAM ỨNG Sensor Faucet	TOTO	TLE 26006 A	- Lưu lượng nước: 2L/phút - Áp lực nước: 0.05 ~ 0.75 MPa - Chất liệu: Đồng mạ chrome bóng	- Water flow: 2L/min - Water pressure: 0.05 ~ 0.75 MPa - Material: Chrome-plated copper				Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-07	QUẦY 2 CỬA MỞ Cabinet 2 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 02 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1020	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-08	QUẦY 3 CỬA MỞ Cabinet 2 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 03 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 03 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	1500	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-08.1	QUẦY MÌ, PHỞ ẨM QUẦY NOODLE COUNTER	Local	Custom			700	700	400	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-08.2	BẾP ĐIỆN TỬ ẨM QUẦY COUNTER INDUCTION COOKER	INTECH	TSM-350B2	- Điện áp: 220V/SPN - Điện: 3,5 x 2 = 7kw - Mức công suất: 12	- Voltage: 220V/SPN - Electric: 3.5 x 2 = 7kw - Level of power: 12	800	369	115	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-09	CHỤP HÚT CÓ CẤP KHÍ TƯỚI Suply single hood exhausted	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 1.0mm - Fin lọc mỡ Inox 304, dày 0.5mm - Có đèn chiếu sáng trong chụp - Chưa bao gồm hệ đường ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Grease filter fins: SUS 304 stainless steel, 0.5 mm thick - Equipped with built-in lighting - Excluding exhaust ducting and exhaust motor	3500	1300	500	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-09.1	HỆ DẬP CHÁY NHÀ BẾP Fire Suppression System	Ansul	R.102						System	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-10	TEPPANYAKI DÙNG ĐIỆN Electric teppanyaki	Leege HongKong	S 07	- Gas: 9kw - Công suất: 7 người	- Gas: 9kw - Capacity: 7 persons	1200	800	810	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-11	QUẦY GIỮ NÓNG Đĩa Heated Plate Cabinet	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo loại 1 - Mặt quầy inox dày 1.0mm, thân dày 0.8mm - Công suất: - Trang bị tự điện điều khiển có các chức năng: + Cài đặt nhiệt độ sấy +40°C - +60°C + Quạt gió đối lưu + Công suất điện trở 2Kw, 3P/50Hz	- Made of 304 stainless steel, - Countertop thickness: 1.2mm, body thickness: 1.0mm - Equipped with a control electrical cabinet with the following functions: + Adjustable drying temperature: +40°C – +60°C + Convection fan + Heating element power: 2 kW, 3P/50Hz	1500	700	750	Pcs	2

Tầng 7	Khu bếp mở	BF-12	QUẦY 2 CỬA MỞ Cabinet 2 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1020	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-13	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Waste filter with odor-blocking structure - Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm	300	300	150	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-14	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 01 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	600	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-15	BÀN LẠNH 4 NGĂN KÉO 4-Drawer Undercounter Chiller	Williams	HO2U (J)-XNN	- Nhiệt độ: 1°C – 4°C - Điện áp: 220-240V/1P - Loại gas: R134a - Dung tích: 327 Lit - 04 hộc kéo	- Temperature: 1°C – 4°C - Voltage: 220-240V/1P - Gas type: R134a - Capacity: 327 L - 04 drawers	1370	670	850	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-16	QUẦY 1 CHẬU CỎ NGĂN KÉO RÁC 1-Bowl Counter with Waste Drawer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy và hộc chậu, thân dày 1.5mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - KT hộc chậu: 500x500x300mm. Kèm 01 bộ xả - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, sink bowl/body: 1.5mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Sink bowl size: 500x500x300mm, includes 1 drain sets - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	600	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-17	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-2SLX08	- Đầu vòi: 8 inch (203.2 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.65 GPM (17.60 lít/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140 °F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40 °F (4.44°C)	- Nozzle: 8 in (203.2 mm) - Nozzle Flow: 4.65 GPM (17.60 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140°F (60°C) - Temperature Min: 40°F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-18	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	300	300	150	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-19	LÒ NƯỚNG PIZZA Wood Fired Ovens	VALORIANI	IGLOO-120	- Công suất nhiệt: 16.000 Kcal/h - Trọng lượng xấp xỉ: 1.250 kg - Kích thước ống khói: 200mm - Đường kính trong: 1.200mm	- Thermal Power: 16,000 Kcal/h - Approx. Weight: 1,250 kgs - Flue Size: 200mm - Internal Diameter: 1,200mm	1650	1750	1900	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-20	THIẾT BỊ GIỮ NÓNG BÁNH PIZZA Pizza Warmer	Hatco	DCSB400-3624-2	- Trọng lượng 73kg - Điện áp: 220V/60Hz - Tổng công suất 1300 W (650 W/đèn)	- Weight: 73kg - Voltage: 220V/60Hz - Power: 1300 W	911	580	1168	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-21	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 01 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	600	700	750	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-22	BÀN LẠNH 1/1 GN Air Blown Preparation Counter Refrigerator	Williams	HPC2(J)-XDD	- Dải nhiệt độ: +1 / +4°C - Dung tích: 736L - Dung tích (1/3 khay GN): 9 - Nguồn điện: 220V / 50HZ / 1PH - Công suất định mức: 1100W	- Temp range: +1 / +4°C - Capacity: 736L - Capacity (1/3 GN pan): 9 - Power supply: 220V / 50HZ / 1PH - Rating Power: 1100W	1765	865	1055	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-23	THIẾT BỊ GIỮ NÓNG SOUP Drop-In Round Heated Wells	Hatco	HWBH-11QTD	- Kích thước: 313x228mm - Điện áp: 220-240V/1Ph/50Hz - Công suất điện: 800W - Dung tích: 10 lít - Trọng lượng: 6 kg	- Dimensions: 313x228mm - Voltage: 220-240V/1Ph/50Hz - Power: 800W - Capacity: 10 liters - Weight: 6 kg		313	228	Pcs	2
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-24	BẾP ĐIỆN TỬ ẨM BÀN COUNTER INDUCTION COOKER	INTECH	TSI-688A	- Công suất: 2400W - Nguồn điện: 220V SPN 50Hz - Loại mặt kính: SCHOTT Black Glass - Lắp đặt: Để bàn hoặc âm bàn - Kích thước khoét đá: 277 x 350 mm - Kích thước mặt gốm: 302 x 374 mm	- Capacity: 2400W - Power source: 220V SPN 50Hz - Glass type: SCHOTT Black Glass - Installation: Tabletop or under-counter - Stone cutting size: 277 x 350 mm - Ceramic surface size: 302 x 374 mm	302	375	75	Pcs	3
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-25	BẾP ĐIỆN TỬ ẨM BÀN COUNTER INDUCTION COOKER	INTECH	TSI-688A	- Công suất: 2400W - Nguồn điện: 220V SPN 50Hz - Loại mặt kính: SCHOTT Black Glass - Lắp đặt: Để bàn hoặc âm bàn - Kích thước khoét đá: 277 x 350 mm - Kích thước mặt gốm: 302 x 374 mm	- Capacity: 2400W - Power source: 220V SPN 50Hz - Glass type: SCHOTT Black Glass - Installation: Tabletop or under-counter - Stone cutting size: 277 x 350 mm - Ceramic surface size: 302 x 374 mm	302	375	75	Pcs	3
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-26	THIẾT BỊ GIỮ NÓNG BÈ MẶT Heated Black Glass Shelves	Hatco	HBGBH-6018	- Trọng lượng 28kg - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 1050-1148W	- Weight: 28kg - Voltage: 220V/50Hz - Power: 1050-1148W	1533	466	156	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-27	ĐÈN GIỮ NÓNG THỨC ĂN Heat Lamp	Hatco	DL-725 RL	- Công suất: 250W - Điện áp: 230V / 50Hz	- Voltage: 230V/50Hz - Power: 250W		241	216	Pcs	4
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-28	THIẾT BỊ GIỮ LẠNH BÈ MẶT Frost Top	Williams	FT-1200.450	- Dải nhiệt độ: 2 -> -6°C - Nguồn điện: 220V/60HZ/1PH - Kích thước mặt bàn: 1100W x 350Dmm	- Temp range: Frost top: 2 -> -6°C - Power Supply: 220V/60HZ/1PH - Worktop Dimension: 1100W x 350Dmm	1200	450	566	Pcs	2
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-29	KHAY ĐÁ ẨM QUẦY Drop-in Ice Bin	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Mặt khay đá và thân xung quanh dày 1,2mm, - Viên khay dày 2.0mm - Có Foam cách nhiệt xung quanh - Khay chứa đá bằng kính cường lực 10 mm - Có đèn led chiếu sáng	- Made of 304 Stainless Steel, PosCo Stainless Steel - Ice tray surface and surrounding body are 1.2mm thick, - Tray edge is 2.0mm thick - Has foam insulation around - Ice tray is made of 10mm tempered glass - Has LED lighting	1500	500	230	Pcs	2
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-30	MÁY NƯỚNG LÁT BÁNH MÌ 4 LOT 4 LOT BREAD TOATER	Hatco	TPT-240	- Trọng lượng: 8kg - Tổng tải: 2600W	- Weight: 8kg - Total Loading: 2600W	346	313	204	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-31	KHAY ĐÁ ẨM QUẦY Drop-in Ice Bin	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Mặt khay đá và thân xung quanh dày 1,2mm, - Viên khay dày 2.0mm - Có Foam cách nhiệt xung quanh - Khay chứa đá bằng kính cường lực 10 mm - Có đèn led chiếu sáng	- Made of 304 Stainless Steel, PosCo Stainless Steel - Ice tray surface and surrounding body are 1.2mm thick, - Tray edge is 2.0mm thick - Has foam insulation around - Ice tray is made of 10mm tempered glass - Has LED lighting	1200	500	230	Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-32	THIẾT BỊ GIỮ LẠNH NƯỚC HOA QUẢ 3 NGĂN 3-COMPARTMENT FRUIT JUICE COOLING DEVICE	By operator							Pcs	1
Tầng 7	Khu bếp mở	BF-33	MÁY PHA CÀ PHÊ TỰ ĐỘNG AUTOMATIC COFFEE MACHINE	By operator							Pcs	1
	Khu Room service	RSV-01	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305 mm - Thành dày cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1

Tầng 7	Khu juice bar	ABA-07	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS10	- Đầu phun (Nozzle): 10 inch (254,0 mm) - Lưu lượng đầu phun: 5.25 GPM (19,87 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 10 in (254.0 mm) - Nozzle Flow: 5.25 GPM (19.87 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)								Pcs	1
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-08	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bật Inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	1500	350	170				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-09	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW- CRC2P + JW- RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm			Ø492	748			Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-10	MÁY VẮT CAM Orange Juicer	Santos	Santos 10	- Tốc độ: 1500 vòng/phút ~ 1800 vòng/phút (50/60 Hz) - Công suất: 230W - Điện áp: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Trọng lượng tịnh: 9,2 kg	- Speed: 1500 rpm ~ 1800 rpm (50/60 Hz) - Power: 230W - Voltage: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Net weight: 9.2 kg	300	200	380				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-11	MÁY ÉP NƯỚC HOA QUẢ Juice extractor	Santos	Santos 28	- Sản lượng trung bình: 100L/h - Tốc độ: 3000 vòng/phút ~ 3600 vòng/phút (50/60 Hz) - Công suất: 1300W - Điện áp: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Trọng lượng tịnh: 23,65 kg	- Average output: 100L/h - Speed: 3000 rpm ~ 3600 rpm (50/60 Hz) - Capacity: 1300W - Voltage: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Net weight: 23.65 kg	480	320	570				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-12	MÁY XAY SINH TỐ Blender	Santos	Santos 62	- Lamin bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	200	247	441				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-13	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1200	700	850/ 1000				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-14	BỘ LỌC NƯỚC CHO MÁY CÀ PHÊ WATER FILTER FOR COFFEE MACHINE	By operator										Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-15	MÁY XAY CÀ PHÊ COFFEE GRINDER	By operator										Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-16	MÁY PHA CÀ PHÊ 2 GROUP 2 GROUP COFFEE MACHINE	By operator										Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-17	QUẦY CỎ THANH TRƯỢT RACK Counter with Rack Sliding Rails	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Thân xung quanh dày 1.2mm - Thanh ray trượt cho khay GN 1/1 - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao - Không bao gồm khay GN 1/1	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop: 1.5mm thick - Side panels: 1.2mm thick - Equipped with sliding rails for GN 1/1 trays - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set - GN 1/1 trays not included	1200	700	850/ 1000				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-18	BỘ LỌC NƯỚC CHO MÁY ĐÁ Water Filter for Ice Maker	Everpure	QL1+A10+EC110 +4CB5+UV	- Tốc độ dòng chảy: 6.35l/phút. - Công suất: 22.800 Lit - 1 lõi lọc - Đèn diệt khuẩn	- Flow rate: 6.35 L/min - Capacity: 22,800 liters - 1 filter cartridge - UV sterilization lamp							Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-19	THÙNG ĐÁ CHO MÁY ĐÁ VIÊN ICE BOX FOR ICE MACHINE	Scotman	NB 393	- Sức chứa thùng: 178 kg - Trọng lượng: 44,8 kg	- Box capacity: 178 kg - Weight: 44.8 kg							Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-20	MÁY LÀM ĐÁ VIÊN 230 KG/NGÀY ICE MAKING MACHINE 230 KG/DAY	Scotman	NW-508	- Công suất (32°C/21°C): 150 kg/ ngày - Năng lượng tiêu thụ: 24.5 kWh/24h - Lượng nước sử dụng: 10.3 L/hr - Điện áp: 230/50/1+E - Trọng lượng: 67 kg	- Capacity (32°C/21°C): 150 kg/day - Energy consumption: 24.5 kWh/24h - Water usage: 10.3 L/hr - Voltage: 230/50/1+E - Weight: 67 kg	560	610	609				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-21	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1000	300	150				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA- 21.1	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	525	300	150				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-22	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	300	300	150				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-23	QUẦY 1 CỬA MỞ CÓ THANH TRƯỢT RACK Counter with 1 Hinged Door and Rack Sliding Rails	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Thân xung quanh dày 1.2mm - Cửa mở 1 cánh, dày 1.2mm - Thanh ray trượt cho khay GN 1/1 - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao - Không bao gồm khay GN 1/1	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop: 1.5mm thick - Side panels: 1.2mm thick - 01 open door, 1.2mm thick - Equipped with sliding rails for GN 1/1 trays - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set - GN 1/1 trays not included	1200	650	750				Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-24	VỎI TRẮNG LY Glass rinser	JIWIN	JW-GR16R	- Đầu vòi: 8 inch (203.2 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.65 GPM (17.60 lít/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140 °F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40 °F (4.44°C)	- Nozzle: 8 in (203.2 mm) - Nozzle Flow: 4.65 GPM (17.60 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140°F (60°C) - Temperature Min: 40°F (4.44°C)							Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-25	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-2SLX08	- Đầu vòi: 8 inch (203.2 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.65 GPM (17.60 lít/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140 °F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40 °F (4.44°C)	- Nozzle: 8 in (203.2 mm) - Nozzle Flow: 4.65 GPM (17.60 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140°F (60°C) - Temperature Min: 40°F (4.44°C)							Pcs	1	
Tầng 7	Khu juice bar	ABA-26	QUẦY PHA CHẾ Module Station	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304 - Mặt quầy, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, body: 1.2mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	700	750				Pcs	1	
Tầng 7	Pool bar	PBA-01	KHUNG VÀ CẢNH CỬA ĐƠN Frame with Double Swing Doors	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304 - Cửa dày 1.2mm - Khung vuông 25x1.2mm	- Made of SUS 304 stainless steel - Door: 1.2mm thick - Square frame 25x1.2mm	275	40	750				Pcs	1	
Tầng 7	Pool bar	PBA-02	QUẦY 1 CỬA MỞ VÀ 2 NGĂN KÉO Work Counter – 1 Open Door and 2 Drawers	Local	Custom	- Lamin bằng Inox 304 - Mặt quầy, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, body: 1.2mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	920	650	750				Pcs	1	

Tầng 7	Pool bar	PBA-03	TỦ GIỮ LẠNH CHAI Counter Bottle Cooler	Williams	BC1SS-U	- Dải nhiệt độ: +4 / +10°C - Dung tích: 130L - Nguồn điện: 220V / 50HZ / 1PH - Công suất định mức: 440W	- Temp range: +4 / +10°C - Capacity: 130L - Power Supply: 220V / 50HZ / 1PH - Rating Power: 440W	600	530	800	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-04	QUẦY PHA CHẾ Module Station	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, thân dày 1.2mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, body: 1.2mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	900	650	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-05	QUẦY 1 CHẬU ÁM QUẦY CÓ NGĂN KÉO THÙNG RÁC Undermount 1-Bowl Sink Counter with Trash Bin Drawer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy và hộc chậu, thân dày 1.5mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - KT hộc chậu: 450x450x300mm. Kèm 01 bộ xả - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, sink bowl, body: 1.5mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Sink bowl size: 450x450x300mm, includes 1 drain sets - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	600	650	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-06	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-2SLX08	- Đầu vòi: 8 inch (203.2 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.65 GPM (17.60 lít/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140 °F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40 °F (4.44°C)	- Nozzle: 8 in (203.2 mm) - Nozzle Flow: 4.65 GPM (17.60 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140°F (60°C) - Temperature Min: 40°F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-07	QUẦY 2 CỬA MỞ Cabinet 2 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 02 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	650	650	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-08	MÁY VẮT CAM Orange Juicer	Santos	Santos 10	- Chiều cao vòi: 135 mm, để pha nước ép trong ly. - Sản lượng trung bình: 30L/h - Tốc độ: 1500 vòng/phút – 1800 vòng/phút (50/60 Hz) - Công suất: 230W - Điện áp: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Trọng lượng tịnh: 9.2 kg	- Spout height: 135 mm - Average output: 30 L/h - Speed: 1500 – 1800 RPM (50/60 Hz) - Power: 230 W - Voltage: 220–240 V / 50 Hz / 1 phase - Net weight: 9.2 kg	300	200	380	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-09	MÁY ÉP NƯỚC HOA QUẢ Juice extractor	Santos	Santos 28	- Chiều cao vòi: 222 mm - Sản lượng trung bình: 100L/h - Tốc độ: 3000 vòng/phút – 3600 vòng/phút (50/60 Hz) - Công suất: 1300W - Điện áp: 220-240V/ 50Hz/ 1P - Trọng lượng tịnh: 23,65 kg	- Spout height: 222 mm - Average output: 100 L/h - Speed: 3000 – 3600 RPM (50/60 Hz) - Power: 1300 W - Voltage: 220–240 V / 50 Hz / 1 phase - Net weight: 23.65 kg				Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-10	MÁY XAY SINH TỐ Blender	Santos	Santos 62	- Trọng lượng: 10,5kg - Công suất: 1000W - Động cơ: 3HP - Dung tích cối ly: 1,8 lít (64 OZ) - Điện áp/ tần số: 220-240V/50-60Hz	- Net weight: 10.5 kg - Power: 1000 W - Motor: 3 HP - Jar capacity: 1.8 liters (64 oz) - Voltage / Frequency: 220–240 V / 50–60 Hz				Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-11	BÀN ĐÔNG 1 CẢNH Counter freezer 1 door	Williams	LO1U(J)-DX	- Nhiệt độ: -18 / -22°C - Tiêu chuẩn GN 1/1: 1 ngăn, cửa bản lề có khóa - Vỏ ngoài & bên trong: Làm bằng inox 304 - Tấm lưng: Thép mạ kẽm - Công suất điện: 220V / 50Hz / 1 pha, 0,88 kW	- Temperature: -18 / -22°C - GN 1/1 standard, 1 section, hinged door with lock - Exterior & interior: 304 stainless steel - Back panel: Galvanized steel - Electrical loading: 220V / 50Hz / 1 Phase; 0.88 kW	905	670	850	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-12	KHUNG VÀ CẢNH CỬA ĐÔI Frame with Double Swing Doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Cửa dày 1.2mm - Khung vuông 25x1.2mm	- Made of SUS 304 stainless steel - Door: 1.2mm thick - Square frame 25x1.2mm	1130	40	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-13	DRAFT BEER Draft Beer	By operator							Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-14	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 01 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	600	650	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-15	QUẦY 2 CỬA MỞ Cabinet 2 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 02 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	650	650	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-16	TỦ GIỮ LẠNH CHAI Counter Bottle Cooler	Williams	BC1SS-U	- Dải nhiệt độ: +4 / +10°C - Dung tích: 130L - Nguồn điện: 220V / 50HZ / 1PH - Công suất định mức: 440W	- Temp range: +4 / +10°C - Capacity: 130L - Power Supply: 220V / 50HZ / 1PH - Rating Power: 440W	600	530	800	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-17	MÁY XAY CÀ PHÊ COFFEE GRINDER	By operator							Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-18	QUẦY 2 CỬA MỞ Cabinet 2 open doors	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 02 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	900	650	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-19	MÁY PHA CÀ PHÊ 2 GROUP 2 GROUP COFFEE MAKER	By operator							Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-20	MÁY LỌC CÀ PHÊ COFFEE FILTER	By operator							Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-21	QUẦY 1 CHẬU ÁM QUẦY CÓ NGĂN KÉO THÙNG RÁC Undermount 1-Bowl Sink Counter with Trash Bin Drawer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy và hộc chậu, thân dày 1.5mm, Inox PosCo - Cửa mở 2 cánh, dày 1.2mm - KT hộc chậu: 450x450x300mm. Kèm 01 bộ xả - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Countertop, sink bowl, body: 1.5mm thick Posco SUS - Double swing doors: 1.2mm thick - Sink bowl size: 450x450x300mm, includes 1 drain sets - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	600	650	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-22	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-2SLX08	- Đầu vòi: 8 inch (203.2 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.65 GPM (17.60 lít/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140 °F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40 °F (4.44°C)	- Nozzle: 8 in (203.2 mm) - Nozzle Flow: 4.65 GPM (17.60 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140°F (60°C) - Temperature Min: 40°F (4.44°C)				Pcs	1

Tầng 7	Pool bar	PBA-23	MÁY RỬA LY Undercounter dishwashers	Hobart	Ecomax-504-10B	- Thời gian chu trình*: 60 / 120 / 180 giây - Công suất rửa khay: 60 khay/giờ - Dung tích bồn chứa: 25 lít - Lượng nước tiêu thụ: 2.0 lít/khay - Công suất bơm rửa: 0.34 kW - Tổng công suất kết nối – Chuẩn: 5.9 kW (400 V) - Tùy chọn: 2.2 kW (230 V) - Điện áp định mức: 400V / 50Hz / 3 pha N (hoặc 230V / 50Hz / 1 pha) - Chiều cao khoang rửa: 360 mm - Kích thước khay rửa: 500 x 500 mm	- Cycle times*60 / 120 / 180 sec. - Rack capacity: 60 /h - Tank capacity: 25 l - Water consumption: 2.0 l/rack - Wash pump: 0.34 kW - Tank heating:1.8 kW - Total connected load - Alternative:2.2 kW (230 V) - Rated voltage: 400 / 50 / 3N (230 / 50 / 1) - Loading height: 360 mm - Rack size: 500 x 500 mm	576	604	820	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-24	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân để inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	275	650	750	Pcs	1
Tầng 7	Pool bar	PBA-25	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	150	150	45	Pcs	3
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-01	PALLET	JWIN	PSH4821	- Khối lượng: 10.79kg - Màu sắc: Spot Dust - Chất liệu: PP, ống sắt	- Weight: 10.79 kg - Color: Spot Dust - Material: PP plastic, steel tube	1220	530	225	Pcs	2
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-02	KỆ ĐỐT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tăng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-03	CHẬU RỬA TAY TREO TƯỜNG Knee operating handwash basins	Sofinor France	LMASB	- Đường kính chậu trong: 305mm - Thành gậy cao: 240 mm - Công suất: 6L/MIN - Vòi nóng lạnh	- Inner basin diameter: 305mm - Backsplash height: 240mm - Flow rate: 6L/min - Hot & cold faucet	384	353	524	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-04	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	300	300	45	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-05	TỦ KHỬ TRÙNG DAO Knife sterilizer w/ magnetic bar	Leegeo HongKong	KC-500E	- Điện áp: 220V SPN, 50Hz - Công suất: 15W - Có khóa - Sức chứa: 10 dao - Tích hợp đèn UV khử trùng - Đèn UV tự động tắt khi cửa mở - Bộ hẹn giờ: 120 phút	- Voltage: 220V, 50hz - Power: 15w - W/ Lock; - Capacity: 10 Pcs. Knives; - Built-In Uv Light For Sterilization; - Automatic Uv Light Shut Off When The Door Is Opened; - Timer Control: 120 Mins	540	135	645	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-06	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đẩy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-07	KỆ TREO TƯỜNG 1 TẦNG PHẪNG 1-Tier Wall-Mounted Flat Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, dày 1.2mm Inox PosCo - Bạt inox dày 1.5mm	- Made of SUS 304, 1.2mm thick Posco SUS - Bowl: 1.5mm thick SUS	2900	350	170	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-08	BÀN 1 CHẬU LỚN 1-Bowl big Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 800x500x300mm. Kèm 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 800x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-09	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19.80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-10	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đẩy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-11	BÀN 2 CHẬU 2-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.2mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kèm 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.2mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-12	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304.8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5.23 GPM (19.80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8.62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1.38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4.44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-12.1	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giỏ rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	600	400	300	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-13	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1040	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-14	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1950	300	150	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-15	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-16	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-17	TỦ ĐỘNG 4 CÁCH Counter freezer	Williams	LG2TSEA	- Nhiệt độ: -18°C đến -22°C - Dung tích: 1270 lít - Điện áp: 220-240V/1P - Điện năng: 10A - Loại gas: R404a - Số tầng tủ động 4 cách inox: 4 - Có hệ thống sấy nước thoát. - Quạt đối lưu không khí: có - Trọng lượng: 130 kg	- Temperature: -18°C to -22°C - Capacity: 1,270 liters - Voltage: 220-240V / 1 Phase - Current: 10A - Refrigerant type: R404a - Number of doors: 4 - Defrost water heating system: Yes - Air circulation fan: Yes - Weight: 130 kg	1400	815	1975	Pcs	1

Tầng 8	Bếp căn tin	ST-18	TỦ MÁT 4 CẢNH Counter chiller	Williams	HG2TSEA	- Nhiệt độ : 1°C đến 4°C - Dung tích : 130 lít - Điện áp : 220-240V/1P - Điện năng : 10A - Loại gas: R134a	- Temperature: 1°C to 4°C - Capacity: 130 liters - Voltage: 220-240V/1P - Power: 10A - Gas type: R134a	1400	815	1975	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-19	VỎI XIT SÀN Hose reel	Equip by T&S PRC	5HR-232-01-A	- Chiều dài dây: 35 ft (10,7 m) - Kích thước dây: 3/8 in (9,5 mm) - Chất liệu: Đồng thau - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Lưu lượng van xịt: 2,27 GPM (8,59 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Hose Length: 35ft (10.7 m) - Hose Size: 3/8 in (9.5 mm) - Material: Brass Construction - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve Flow: 2.27 GPM (8.59 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-20	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1600	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-21	CHỤP HÚT CÓ CẤP KHÍ TỰƠI Suply single hood exhausted	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 1.0mm - Fin lọc mỡ Inox 304, dày 0.5mm - Có đèn chiếu sáng trong chụp - Chưa bao gồm hệ đường ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Grease filter fins: SUS 304 stainless steel, 0.5 mm thick - Equipped with built-in lighting - Excluding exhaust ducting and exhaust motor	4500	1300	500	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-21.1	HỆ DẬP CHÁY NHÀ BẾP Fire Suppression System	Ansul	R.102						System	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-22	TỦ HẤP CƠM 30 KG DÙNG ĐIỆN Electric Rice Steamer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Dây tủ Inox dày 1.5mm - Cách nhiệt bằng bông thủy tinh - 6 khay hấp làm bằng Inox 304, dày 0.8mm - Trang bị tủ điện điều khiển có chức năng: + Cài đặt thời gian nấu cơm. + Hệ thống còi báo hết nước + Công suất điện trở 9Kw, 3P/50Hz	- Made of 304 stainless steel - 1.5mm thick stainless steel cabinet bottom - Insulated with fiberglass - 6 steaming trays made of 304 stainless steel, 0.8mm thick - Equipped with an electric control cabinet with the following functions: + Set the rice cooking time. + Water shortage alarm system + Resistance capacity 9Kw, 3P/50Hz	588	845	1440	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-23	BẾP THÁP ĐIỆN TỬ Single Burner Soup Induction Stove	MANTRU.E (PRC)	ZT-C15A-DZ	- Công suất: 15kW - Điện áp: 380V/ 50Hz/ 3P - Trọng lượng: 75kg	- Capacity: 15kW - Voltage: 380V/ 50Hz/ 3P - Weight: 75kg	700	850	530+720	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-23.1	VỎI NƯỚC BẾP Range Faucet, Wall Mount	T&S	B-0578-01	- Công suất: 2,20 GPM - Trọng lượng: (1,84kg) - Áp suất: 20 – 125 psi (1,38 bar – 8,62 bar) - Nhiệt độ: 40 F – 140 F (4,44 °C – 60 °C) - Vòi phun: 330 mm	- Flow rate: 2.20 GPM - Weight: 1.84 kg - Pressure: 20–125 psi (1.38–8.62 bar) - Temperature: 40–140 °F (4.44–60 °C) - Spray nozzle: 330 mm				Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-24	BẾP Á 2 BẾP ĐIỆN TỬ Dual-Zone Countertop Cooker	MANTRU.E (PRC)	ZC2-C5040A-W-DZ	- Đường kính : Ø 500 mm - Công suất: 2x20 kW - Điện áp: 380V/ 50Hz/ 3P - Trọng lượng: 180 kg	- Diameter: Ø500 mm - Power: 2 × 20 kW - Voltage: 380V / 50Hz / 3P - Weight: 180 kg	1800	1100	810+440	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-25	BÀN TRUNG GIAN Intermediate Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	400	1100	810+440	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-26	BẾP ÁU 4 DÙNG ĐIỆN 4-hot Plate electric boiling top	Electrolux	E7ECEH4R00	- Điện áp cung cấp: 380–400 V / 3 pha / 50–60 Hz - Tổng công suất: 10,4 kW - Công suất bếp phía trước: 2,6 + 2,6 kW - Công suất bếp phía sau: 2,6 + 2,6 kW - Kích thước bếp phía trước: Ø230 Ø230 mm - Kích thước bếp phía sau: Ø230 Ø230 mm - Trọng lượng tịnh: 40 kg	- Supply voltage: 380-400 V/3 ph/50-60 Hz - Total Watts: 10.4 kW - Front Plates Power: 2.6 - 2.6 kW - Back Plates Power: 2.6 - 2.6 kW - Front Plates dimensions: Ø 230 Ø 230 - Back Plates dimensions: Ø 230 Ø 230 - Net weight: 40 kg	800	730	250	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-27	CHÂN ĐỒ BẾP Stove Stand	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thanh V đỡ dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - V-support bars thickness: 1.5 mm - Shelf thickness: 1.2 mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	800	680	600	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-28	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-29	BÀN 1 KỆ PHẪNG Table with 1 Flat Undershelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Shelf: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1800	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-30	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492	748		Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-31	BÀN 1 CHẬU 1-Bowl Sink Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.2mm, Inox PosCo - KT chậu: 500x500x300mm. Kèm 01 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.2mm thick, Posco SUS - Sink size: 500x500x300mm, includes 1 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	1500	700	850/1000	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-32	VỎI NÓNG LẠNH Mixing faucet	Equip by T&S PRC	5F-8DLS12	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 5,23 GPM (19,80 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 5.23 GPM (19.80 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)				Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-33	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1950	300	150	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-34	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt laser dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	300	300	150	Pcs	2
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-35	XE KHAY MUỐNG, NẤU Tray and Cutlery Trolley	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu dày 1.0mm. KT chậu: 300x500x300mm, có van xả đáy - Chân Ø38mm, giằng chân Ø25mm - Bánh xe Ø100mm, có 02 bánh xoay khóa	- Made of SUS 304 stainless steel - Sink top thickness: 1.0 mm; sink size: 300x500x300 mm, with drain valve - Legs: Ø38 mm; cross braces: Ø25 mm - Wheels: Ø100 mm, including 2 swivel casters with brakes	500	710	900	Pcs	1

Tầng 8	Bếp căn tin	ST-36	QUẦY GIỮ NÓNG CƠM Rice Warmer Counter	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.2mm, cửa mở & thân xung quanh dày 1.0mm - Nguồn điện : 220V~50Hz/ 4.5Kw - Có 01 nồi inox rời - Chân: D50x1.2mm	- Made of 304 stainless steel - Countertop thickness: 1.2mm; doors & surrounding panels thickness: 1.0mm - Power supply: 220V~50Hz / 4.5 kW - Includes 1 separate stainless steel pots - Legs: Ø50x1.2mm	700	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-37	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	450	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-38	QUẦY GIỮ NÓNG THỨC ĂN 4 KHAY GN1/1 4 GN 1/1 Bain Marie Counter	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.2mm - Thân, đáy, cửa, xung quanh dày 1.0mm - Điện trở 2Kw, có điều khiển nhiệt độ - Nhiệt hâm nóng 40-70 độ C - Chân tròn Ø38x1.2mm, có điều chỉnh - Đã bao gồm 04 khay GN 1/1	- Made of 304 stainless steel - Countertop thickness: 1.2 mm - Body, bottom, doors, and surrounding panels thickness: 1.0 mm - 2 kW heating element with temperature control - Warming temperature: 40~70 °C - Round legs Ø38x1.2 mm, adjustable - Includes 4 GN 1/1 trays	1500	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-39	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	450	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-40	QUẦY GIỮ LẠNH 2 KHAY GN1/1 2 GN 1/1 Pan Refrigerated Counter	Local	Custom	- Khay: 2*GN1/1*100mm - Điện áp: 220-240V/50Hz - Loại gas: R134a - Phạm vi nhiệt độ: 0°C~10°C - Chất liệu: Inox 304	- Trays: 2*GN1/1*100mm - Voltage: 220~240V / 50Hz - Gas type: R134a - Temperature range: 0 °C – 10 °C - Material: 304 stainless steel	800	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-41	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	450	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-42	QUẦY GIỮ NÓNG SOUP Soup Warmer Counter	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.2mm, cửa mở & thân xung quanh dày 1.0mm - Nguồn điện : 220V~50Hz/ 4.5Kw - Có 01 nồi inox rời - Chân: D50x1.2mm	- Made of 304 stainless steel - Countertop thickness: 1.2mm; doors & surrounding panels thickness: 1.0mm - Power supply: 220V~50Hz / 4.5 kW - Includes 1 separate stainless steel pots - Legs: Ø50x1.2mm	700	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-43	QUẦY 1 CỬA MỞ Cabinet 1 open door	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy, mặt kệ dày 1.5mm - Thân xung quanh và cửa dày 1.2mm - 01 cửa mở - Chân: D38x1.2mm - Chân đế inox, có thể điều chỉnh được	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop, shelf: 1.5mm thick - Side panels and open door: 1.2mm thick - 02 open door - Legs: Ø38x1.2mm - Feet stainless steel, adjustment	450	700	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-44	KHUNG KÍNH CHÁN HẠT HƠI Glass Sneeze Guard Frame	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, - Thanh trượt Ø25x1.0mm - Bạt kê dày 1.5mm	- Made of SUS 304 - Sliding rail: Ø25x1.0mm - Mounting bracket: 1.5mm thick	5380	350	750	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-45	THANH TRƯỢT KHAY Tray Sliding Rail	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, - Thanh trượt Ø25x1.0mm - Bạt kê dày 1.5mm	- Made of SUS 304 - Sliding rail: Ø25x1.0mm - Mounting bracket: 1.5mm thick	5400	350	170	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-46	BỘ LỌC NƯỚC CHO MÁY ĐÁ Water Filter for Ice Maker	Everpure	QL1+A10+EC110 +4CB5+UV	- Tốc độ dòng chảy: 6.35L/phút. - Công suất: 22.800 Lit - 1 lõi lọc - Đèn diệt khuẩn	- Flow rate: 6.35 L/min - Capacity: 22,800 liters - 1 filter cartridge - UV sterilization lamp				Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-47	MÁY LÀM ĐÁ VIÊN Ice Maker	Scotman	AC S 86 AS	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Thân xung quanh dày 1.2mm - Thanh ray trượt cho khay GN 1/1 - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao - Không bao gồm khay GN 1/1	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop: 1.5mm thick - Side panels: 1.2mm thick - Equipped with sliding rails for GN 1/1 trays - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set - GN 1/1 trays not included				Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-48	QUẦY CÓ THANH TRƯỢT RACK Counter with Rack Sliding Rails	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt quầy dày 1.5mm - Thân xung quanh dày 1.2mm - Thanh ray trượt cho khay GN 1/1 - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao - Không bao gồm khay GN 1/1	- Made of SUS 304 stainless steel - Countertop: 1.5mm thick - Side panels: 1.2mm thick - Equipped with sliding rails for GN 1/1 trays - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set - GN 1/1 trays not included	1600	700	850/ 1000	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-49	MÁY LÀM LẠNH NƯỚC HOA QUÁ 3 NGĂN 3-Compartment Fruit Juice Cooler	By operator							Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-50	MÁY LỌC CÀ PHÊ COFFEE FILTER	By operator							Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-51	MÁY NÓNG LẠNH NƯỚC UỐNG WATER DISPENSER	By operator							Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-52	KỆ RACK TRÊN BÀN Tabletop Rack	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D30x1.2mm	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm	1100	600	850	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-53	THÙNG RÁC DI ĐỘNG Recycle Round Container	JIWIN	JW-CR76E + JW-CRC2P + JW-RCD	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh/ Plastic - Dung tích: 75,7l - Bao gồm: thùng chứa, nắp đậy, và bánh xe - KT thùng: Ø492x584mm. KT nắp: Ø546x40mm - KT khung bánh xe: Ø460x164mm	- Material: Virgin HDPE / Plastic - Capacity: 75.7 liters - Includes: container body, lid, and wheels - Container dimensions: Ø492x584mm - Lid dimensions: Ø546x40mm - Wheel frame dimensions: Ø460x164mm	Ø492		748	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-54	BÀN BÁT BÀN CHỮ L , 2 CHẬU L-Shaped Dirty Dish Table with 2 Bowls	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt chậu + chậu dày 1.5mm, Inox PosCo - KT chậu: 450x450x300mm. Kèm 02 bộ xả - Thanh giằng: D25x1.2mm. - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Sink surface + bowl: 1.5mm thick, Posco SUS - Sink size: 450x450x300mm, includes 2 drain sets - Bracing bar: Ø25x1.2mm - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	2200 +1450	800/ 950	850/ 1150	Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-55	BẦY MỠ Grease trap	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Thân, nắp Inox 304 dày 1.0mm, Inox PosCo - Có van xả đáy, giá rác. Chân 25x25mm	- Made of SUS 304 - Body and lid: 1.0mm thick Posco SUS 304 - Equipped with bottom drain valve and waste basket - Legs: 25x25mm	600	400	300	Pcs	1

Tầng 8	Bếp căn tin	ST-56	VỎI PHUN TRẮNG Pre-raise faucet	Equip by T&S	5PR-8D12-H	- Đầu vòi: 12 in (304,8 mm) - Lưu lượng đầu vòi: 4.29 GPM (16,24 L/phút) - Áp suất tối đa: 125 psi (8,62 bar) - Áp suất tối thiểu: 20 psi (1,38 bar) - Van xịt: EQUIP 5SV (1,15 GPM / 4,35 L/phút) - Lưu lượng van xịt: 1,15 GPM (4,35 L/phút) - Nhiệt độ tối đa: 140°F (60°C) - Nhiệt độ tối thiểu: 40°F (4,44°C)	- Nozzle: 12 in (304.8 mm) - Nozzle Flow: 4.29 GPM (16.24 L/min) - Pressure Max: 125 psi (8.62 bar) - Pressure Min: 20 psi (1.38 bar) - Spray Valve: EQUIP 5SV (1.15 GPM) (4.35 L/min) - Spray Valve Flow: 1.15 GPM (4.35 L/min) - Temperature Max: 140 F (60°C) - Temperature Min: 40 F (4.44°C)					Pcs	1
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-57	MÁNG VÍ THOÁT SÀN Floor grated trench	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304, Inox PosCo - Máng dày 1.2mm, vi inox cắt lazer dày 3.0mm - Bộ lọc rác có kết cấu chắn mùi	- Made of SUS 304, Posco - Trough thickness: 1.2mm, laser-cut SUS grate: 3.0mm - Waste filter with odor-blocking structure	1950	300	150	Pcs	1	
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-58	CHỤP HÚT MÁY RỬA CHÉN Hood for Dish washer	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 dày 1.0mm - Chưa bao gồm hệ đường ống hút & motor hút	- Made of 1.0 mm thick SUS 304 stainless steel - Excluding exhaust ducting and exhaust motor	1000	1000	300	Pcs	1	
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-59	MÁY RỬA CHÉN Dish Washer	Hobart	H600	- Chiều cao xếp rửa: 420 mm - Kích thước giá/rack: 500 × 500 mm - Nhiệt độ rửa: 50–60 °C - Nhiệt độ tráng: 80–90 °C - Lượng nước tiêu thụ: 3 L/rack - Dung tích bồn rửa: 26 L - Bơm rửa: 0.6 kW - Thanh gia nhiệt bồn rửa: 2 kW - Thanh gia nhiệt bơm tăng áp: 12 kW - Tổng công suất: 14.7 kW - Điện áp: 380V / 50Hz / 3N~	- Loading height: 420mm - Rack size: 500×500 mm - Wash temperature: 50-60°C - Rinse temperature: 80-90°C - Water consumption: 3L/rack - Wash tank volume: 26L - Wash pump: 0.6kW - Tank heating: 2kW - Booster heating: 12kW - Total loading: 14.7kW - Voltage: 380V/50Hz/3N~	636	748	1445	Pcs	1	
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-60	BÀN BÁT SẠCH Clean Dish Table	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt bàn dày 1.5mm - Chân: D38x1.2mm, có bộ điều chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Tabletop 1.5mm thick - Legs: Ø38x1.2mm, with height adjustment set	900	800	850/ 1150	Pcs	1	
Tầng 8	Bếp căn tin	ST-61	KỆ ĐỘT LỖ 4 TẦNG 4-Tier Perforated Shelf	Local	Custom	- Làm bằng Inox 304 - Mặt kệ dày 1.2mm, Inox PosCo - Chân: D38x1.2mm, có tầng chỉnh độ cao	- Made of SUS 304 - Shelf surface: 1.2mm thick, Posco SUS - Legs: Ø38x1.2mm, height adjustable	1500	500	1500	Pcs	3	
TỔNG GIÁ TRỊ CHƯA BAO GỒM THUẾ GTGT													